

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỒNG VĂN BÌNH (Chủ biên)

TRẦN THUYẾT NGÀ - LƯU NGỌC SINH - LÊ THỊ HIỀN - PHẠM NGỌC ĐỨC

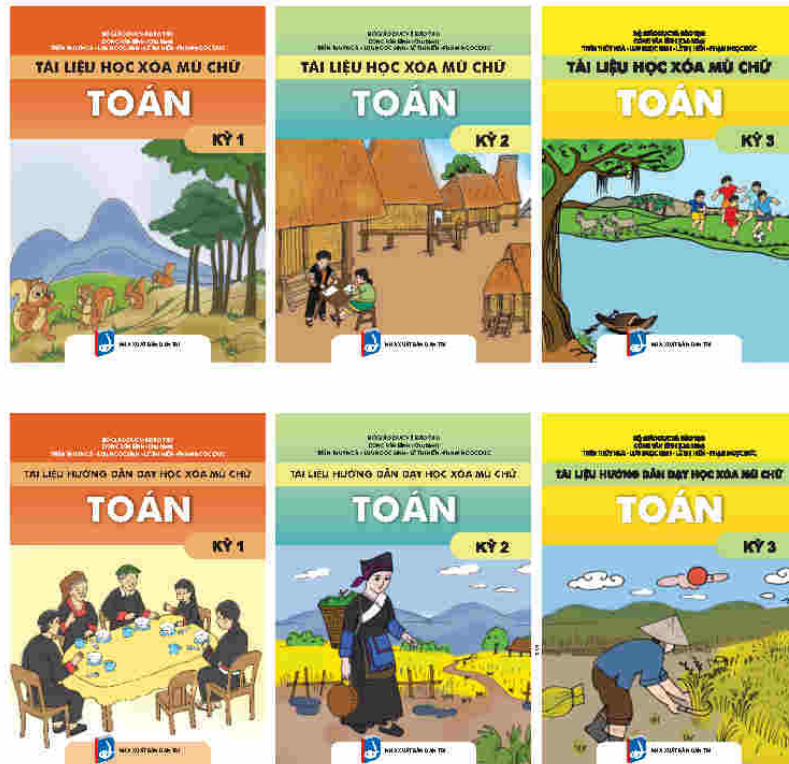
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ

TOÁN

KỶ 1



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỒNG VĂN BÌNH (Chủ biên)

TRẦN THÚY NGÀ - LƯU NGỌC SINH - LÊ THỊ HIỀN - PHẠM NGỌC ĐỨC

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ
TOÁN

KỲ 1

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu hướng dẫn dạy học môn Toán Chương trình XMC là tài liệu tham khảo dành riêng cho giáo viên dạy học môn Toán trong Chương trình XMC Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 ban hành Chương trình XMC của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nội dung Tài liệu gồm 03 phần:

Phần I. Những vấn đề chung.

Phần II. Hướng dẫn thiết kế các bài học.

Phần III. Hướng dẫn cụ thể từng bài học.

Tài liệu sẽ góp phần hỗ trợ các thầy/cô giáo có thêm tư liệu quý và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Chương trình XMC hiệu quả hơn.

Mặc dù đối tượng người học đa dạng, phương pháp dạy học phong phú, điều kiện tổ chức học tập khác nhau ở các vùng miền..., nhưng Nhóm tác giả cố gắng đưa ra những hướng dẫn mang tính cốt lõi nhất, những gợi ý dạy học phù hợp nhất với ý tưởng thiết kế cho từng bài học trong Tài liệu dành cho học viên. Tuy nhiên, với sự đa dạng của phương pháp dạy học tích cực, điều kiện dạy học và sự sáng tạo dạy học của từng thầy/cô giáo, cuốn Tài liệu này có thể có một số bài học hướng dẫn chưa phù hợp với tất cả các điều kiện dạy học ở các vùng miền. Nhưng những hướng dẫn và gợi ý trong Tài liệu sẽ giúp các thầy cô gợi mở, sáng tạo trong dạy học.

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia, các thành viên góp ý, phản biện, thẩm định đã định hướng, góp ý và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành Tài liệu này.

Rất mong các thầy giáo, cô giáo góp ý kiến để tài liệu được chỉnh sửa đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học trong lần xuất bản tiếp theo.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
-------------------	---

Phần 1 **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

I. MỤC TIÊU CỦA MÔN TOÁN TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ.....	9
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	10
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	13
IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	18
V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC.....	22

Phần 2 **HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ CÁC BÀI HỌC**

I. XÂY DỰNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY.....	24
II. PHÂN PHỐI TIẾT HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ ÔN TẬP, KIỂM TRA KỲ I.....	29
III. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY CÁC BÀI HỌC.....	32
IV. CẤU TRÚC NỘI DUNG HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT BÀI HỌC TOÁN XÓA MÙ CHỮ KỲ 1	34

Phần 3 **HƯỚNG DẪN CỤ THỂ TỪNG BÀI HỌC**

BÀI 1. CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 9	39
BÀI 2. CÁC SỐ 0 VÀ SỐ 10.....	42
BÀI 3. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10	45

BÀI 4. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10	48
BÀI 5. BẢNG CỘNG TRONG PHẠM VI 10.....	51
BÀI 6. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10	52
BÀI 7. BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10.....	55
BÀI 8. LUYỆN TẬP CHUNG	61
BÀI 9. HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN, HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT	64
BÀI 10. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 20.....	67
BÀI 11. CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ TỪ 21 ĐẾN 99.....	70
BÀI 12. CHỤC VÀ ĐƠN VỊ	74
BÀI 13. BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100	79
BÀI 14. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100	82
BÀI 15. KHỐI HỘP CHỮ NHẬT, KHỐI LẬP PHƯƠNG.....	85
BÀI 16. PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 20.....	88
BÀI 17. PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 20	91
Bài 18. ĐO DỘ DÀI.....	94
BÀI 19. CÁC NGÀY TRONG TUẦN. THỰC HÀNH XEM LỊCH	98
BÀI 20. ĐỒNG HỒ THỜI GIAN	102
BÀI 21. PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100.....	105
BÀI 22. PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100.....	109
BÀI 23. LUYỆN TẬP CHUNG	112
BÀI 24. CỘNG, TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC	115
BÀI 25. PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 20.....	119
BÀI 26. PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 20	123
BÀI 27. PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100.....	127
BÀI 28. PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100	131
BÀI 29. LUYỆN TẬP CHUNG	135
BÀI 30. ÔN TẬP CUỐI KỲ.....	140

BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Chữ cụ thể	Chữ được viết tắt
Giáo viên	GV
Học viên	HV
Tài liệu học	TLH
Xóa mù chữ	XMC
Giáo dục thường xuyên	GDTX

I. MỤC TIÊU CỦA MÔN TOÁN TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ**1. Mục tiêu chung**

Môn Toán nhằm giúp HV đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

1.1. Hình thành và phát triển năng lực toán học bao gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1.2. Góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các năng lực chung : năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.3. Có kiến thức, kĩ năng toán học phổ thông, cơ bản, thiết yếu; phát triển khả năng giải quyết vấn đề có tính tích hợp liên môn giữa môn Toán và các môn học khác như Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử - Địa lý, Tin học, Công nghệ, ...; tạo cơ hội để HV được trải nghiệm, áp dụng toán học vào thực tiễn.

1.4. Có hiểu biết tương đối tổng quát về sự hữu ích của toán học đối với từng ngành nghề liên quan để có đủ năng lực tối thiểu để tự tìm hiểu những vấn đề liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép toán và công thức số học để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những

tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

2.2. Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

- *Số và phép tính*: Số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính trên những tập hợp số đó.

- *Hình học và Đo lường*: Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm (ở mức độ trực quan) của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường (với các đại lượng đo thông dụng).

- *Thống kê và Xác suất*: Một số yếu tố thống kê và xác suất đơn giản; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với một số yếu tố thống kê và xác suất.

2.3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hỗ trợ HV có thêm những hiểu biết về một số nghề nghiệp trong xã hội. Bước đầu thấy được những hữu ích của toán học đối với công việc hằng ngày; tạo cơ hội để HV được kiểm nghiệm lại hoạt động thực tiễn trong đời sống với những kiến thức toán học thuần túy; tạo lập sự kết nối giữa các ý tưởng toán học, giữa Toán học với thực tiễn, giữa Toán học với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học trong Chương trình Xóa mù chữ tại Mục II Phần thứ nhất của Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 ban hành Chương trình XMC của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển cho HV năng lực toán học (*biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán*) bao gồm các thành phần cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

Biểu hiện cụ thể của năng lực toán học và yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn toán như sau:

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tư duy và lập luận toán học thể hiện qua việc: - Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch.	- Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát.
- Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận. - Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.	- Nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận. - Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Bước đầu chỉ ra được chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.
Năng lực mô hình hoá toán học thể hiện qua việc: - Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn. - Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập. - Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	- Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản. - Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên. - Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực giải quyết vấn đề toán học thể hiện qua việc: - Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học. - Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề. - Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra. - Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.	- Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi. - Nêu được cách thức giải quyết vấn đề. - Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản. - Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.
Năng lực giao tiếp toán học thể hiện qua việc: - Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra. - Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác). - Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic,...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác.	- Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết. - Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. - Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
- Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học.	- Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.
Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán thể hiện qua việc:	
- Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin), phục vụ cho việc học Toán. - Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi). - Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý.	- Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...) - Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản. - Sử dụng được máy tính cầm tay, phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ học tập và giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống - Nhận biết được (bước đầu) một số ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

a) Nội dung cốt lõi

Nội dung môn Toán được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức: Số và phép tính; Hình học và Đo lường; Thống kê và Xác suất.

Số và phép tính là cơ sở cho tất cả các nghiên cứu sâu hơn về toán học, nhằm hình thành những công cụ toán học để giải quyết các vấn đề của toán học và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; tạo cho HV khả năng suy luận suy diễn, góp

phần phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học và hình thành khả năng sử dụng các thuật toán.

Hình học và Đo lường là một trong những thành phần quan trọng của giáo dục toán học, rất cần thiết cho HV trong việc tiếp thu các kiến thức về không gian và phát triển các kĩ năng thực tế thiết yếu. Hình học và Đo lường hình thành những công cụ nhằm mô tả các đối tượng, thực thể của thế giới xung quanh; cung cấp cho HV kiến thức, kĩ năng toán học cơ bản về Hình học, Đo lường (với các đại lượng đo thông dụng) và tạo cho HV khả năng suy luận góp phần vào phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học, trí tưởng tượng không gian và tính trực giác. Đồng thời, Hình học còn góp phần giáo dục thẩm mĩ và nâng cao văn hoá toán học cho HV. Việc gắn kết Đo lường và Hình học sẽ tăng cường tính trực quan, thực tiễn của việc dạy học môn Toán.

Thống kê và Xác suất là một thành phần bắt buộc của giáo dục toán học phổ thông, góp phần tăng cường tính ứng dụng và giá trị thiết thực của giáo dục toán học. Thống kê và Xác suất tạo cho HV khả năng nhận thức và phân tích các thông tin được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, hiểu bản chất xác suất của nhiều sự phụ thuộc trong thực tế, hình thành sự hiểu biết về vai trò của thống kê như là một nguồn thông tin quan trọng về mặt xã hội, biết áp dụng tư duy thống kê để phân tích dữ liệu. Từ đó, nâng cao sự hiểu biết và phương pháp nghiên cứu thế giới hiện đại cho HV.

b) Môn Toán được phân chia theo hai giai đoạn. Giai đoạn 1 được chia làm 3 kỳ học, gồm: Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3; Giai đoạn 2 được chia làm 2 kỳ, gồm: Kỳ 4, Kỳ 5.

c) Chuyên đề học tập

Giai đoạn 2, HV được chọn 2 trong 3 chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm:

- Tăng cường một số ứng dụng của toán học trong một số vấn đề liên quan tới cuộc sống hằng ngày của HV như: giáo dục tài chính, thống kê trong đời sống,

- Củng cố thêm một số kiến thức và kĩ năng toán học khi vận dụng trong thực tiễn, công việc của HV.

- Tạo cơ hội cho HV nhận biết năng khiếu, sở thích, phát triển hứng thú và niềm tin trong học Toán; phát triển năng lực toán học và năng lực tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến Toán học trong suốt cuộc đời.

2. Phân bố nội dung ở các kỳ

(Kí hiệu “x” là các chủ đề được thực hiện và phân bố trong từng kỳ)

Các chủ đề	Kỳ				
	1	2	3	4	5
Số tự nhiên	x	x	x	x	x
Phân số				x	x
Số thập phân					x
Ước lượng và làm tròn số		x	x	x	x
Tỉ số. Tỉ số phần trăm					x
Biểu thức			x	x	x
Hình phẳng và hình khối trong thực tiễn	x	x	x	x	x
Độ dài	x	x	x	x	x
Số đo góc				x	
Chu vi. Diện tích			x	x	x
Dung tích. Thể tích		x	x		x
Khối lượng		x	x	x	
Nhiệt độ			x		
Thời gian	x	x	x	x	x
Vận tốc					x
Tiền tệ		x	x	x	x
Một số yếu tố thống kê		x	x	x	x
Một số yếu tố xác suất		x	x	x	x

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA KỲ 1

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
Số tự nhiên		
Số tự nhiên	<i>Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100</i>	- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100. - Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
	<i>So sánh các số trong phạm vi 100</i>	Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. - Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 100. - Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
	<i>Tính nhẩm</i>	- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10, phạm vi 20. - Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ</i>	- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. - Nhận biết và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học thực quan		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	- Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
	<i>Thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	- Nhận biết được về “dài hơn”, “ngắn hơn”. - Nhận biết được đơn vị đo độ dài: cm (xăng-ti-mét); đọc và viết được số đo độ dài trong phạm vi 100cm. - Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ. - Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	- Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...). - Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm. - Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày).

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp dạy học môn Toán cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

a) Hình thành, phát triển các phẩm chất

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, môn Toán góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác giúp HV rèn luyện tính trung thực, tình yêu lao động, tinh thần trách nhiệm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập; bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú học tập, thói quen đọc sách và ý thức tìm tòi, khám phá khoa học.

b) Hình thành, phát triển các năng lực chung

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học thông qua việc rèn luyện cho người học biết cách lựa chọn mục tiêu, lập được kế hoạch học tập, hình thành cách tự học, rút kinh nghiệm và điều chỉnh để có thể vận dụng vào các tình huống khác trong quá trình học các khái niệm, kiến thức và kĩ năng toán học cũng như khi thực hành, luyện tập hoặc tự lực giải toán, giải quyết các vấn đề có ý nghĩa toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép, diễn tả được các thông tin toán học cần thiết trong văn bản toán học; thông qua sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trao đổi, trình bày được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác, đồng thời thể hiện sự tự tin, tôn trọng người đối thoại khi mô tả, giải thích các nội dung, ý tưởng toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giúp HV nhận biết được tình huống có vấn đề; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác; biết đề xuất, lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề và biết trình bày giải pháp cho vấn đề; biết đánh giá giải pháp đã thực hiện và khái quát hoá cho vấn đề tương tự.

c) Hình thành và phát triển năng lực tính toán, năng lực ngôn ngữ và các năng lực đặc thù khác

- Môn Toán với ưu thế nổi trội, có nhiều cơ hội để phát triển năng lực tính toán thể hiện ở chỗ vừa cung cấp kiến thức toán học, rèn luyện kĩ năng tính

toán, ước lượng, vừa giúp hình thành và phát triển các thành tố của năng lực toán học (năng lực tư duy và lập luận, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp và năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán).

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, diễn giải, phân tích, đánh giá tình huống có ý nghĩa toán học, thông qua việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày, diễn tả các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực tin học thông qua việc sử dụng các phương tiện, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông như công cụ hỗ trợ trong học tập và tự học; tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ thông qua việc giúp HV làm quen với lịch sử toán học, với tiểu sử của các nhà toán học và thông qua việc nhận biết vẻ đẹp của Toán học trong thế giới tự nhiên.

d) Tính đặc thù cho đối tượng người lớn tuổi

- Phương pháp dạy học môn Toán cần phù hợp với tiến trình nhận thức của HV, đặc biệt là người lớn tuổi (*đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó, từ trải nghiệm thực tiễn đến thống nhất kiến thức toán học*); phù hợp với hoạt động lao động, sản xuất mà HV đã và đang trải nghiệm; không nhất thiết đề cao tính logic của khoa học toán học mà chỉ cần chú ý thống nhất giữa thực tiễn và kiến thức toán học liên quan; khai thác tối đa vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của HV;

- Quán triệt tinh thần *“lấy trải nghiệm của người học làm cơ sở dạy học kiến thức toán liên quan”*, phát huy tính tích cực, tự giác, tự trọng của người học; động viên, thấu hiểu hoàn cảnh khác nhau của HV, vốn vừa lao động vừa học tập; phát huy tính ân cần, nhiệt tình và chỉ bảo của người dạy;

- Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học và động viên người học; khơi dậy tính tự trọng của người học; coi trọng trải nghiệm của HV gắn với kiến thức toán học liên quan; học toán phục vụ trực tiếp trong lao động, sản xuất và các hoạt động hàng ngày.

- Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán, khai thác cơ sở vật chất xung quanh hỗ trợ đồ dùng dạy học; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HV; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của học viên trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi kỳ; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn,...) và vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá thường xuyên do GV phụ trách môn học tổ chức, kết hợp với đánh giá của GV các môn học khác, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của cha mẹ HV. Đánh giá quá trình đi liền với tiến trình hoạt động học tập của HV, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của HV.

Đánh giá định kì (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập. Kết quả đánh giá định kì và đánh giá tổng kết được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của HV. Đánh giá định kì do cơ sở giáo dục tổ chức hoặc thông qua các kì kiểm tra, đánh giá quốc gia.

Đánh giá định kì còn được sử dụng để phục vụ quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình môn Toán.

Đánh giá năng lực HV thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của HV. Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa

chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

Chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

- Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập, ... mà đòi hỏi HV phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

- Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học. Từ đó, đòi hỏi HV phải xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

- Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

- Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy

cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lí) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi GV lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học HV đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học môn Toán chứa đựng, mô tả những tri thức có khả năng hỗ trợ GV và hỗ trợ HV hướng vào đối tượng toán học cụ thể (khái niệm, quan hệ, tính chất toán học,...) nhằm phát hiện, tìm tòi, khắc sâu kiến thức,... trong quá trình học tập môn Toán.

2. Việc sử dụng thiết bị dạy học môn Toán cần bảo đảm một số yêu cầu sau

- Các thiết bị dạy học phải phục vụ cho mục tiêu dạy học môn Toán, phù hợp với nội dung học và các đối tượng HV, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và tránh làm tăng thêm nội dung dạy học, công việc của GV và gây tốn kém không cần thiết.

- Sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tránh hình thức hoặc lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học; tạo điều kiện để HV thực sự được thực hành, thao tác trên các thiết bị dạy học, qua đó giúp HV chủ động, tích cực khám phá, phát hiện kiến thức và góp phần phát triển “năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán”.

- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống. Khi có điều kiện, GV hướng dẫn HV cách tìm kiếm thông tin, tư liệu trên Internet hoặc chương trình truyền hình có uy tín về giáo dục để mở rộng vốn hiểu biết và năng lực tự học.

- Tăng cường thiết bị dạy học tự làm: Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu được quy định trong danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cần huy động sáng kiến, sự sáng tạo của HV, GV và phụ huynh trong việc khai thác, thiết kế và sử dụng các thiết bị dạy học tự làm.

- Phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học: Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó tùy thuộc nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học và phối hợp một cách hợp lí, khoa học và sinh động.

3. Căn cứ mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chương trình môn Toán, GV so sánh, đối chiếu với danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của môn Toán Cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để rà soát, bổ sung một số thiết bị phù hợp với đặc thù đối tượng.

I. XÂY DỰNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY**1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của trung tâm**

Kế hoạch giáo dục của trung tâm hay của nhà trường (gọi chung là trung tâm) là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện Chương trình Xóa mù chữ. Trung tâm căn cứ kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu, số lượng người mù chữ của địa phương để xây dựng Kế hoạch giáo dục của trung tâm, trong đó có kế hoạch giáo dục môn Toán (bao gồm kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục). Giám đốc trung tâm tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của đảm bảo các nội dung sau:

- Thời gian tổ chức dạy học môn Toán đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong chương trình xóa mù chữ; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với HV; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế tại trung tâm/nhà trường, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của môn Toán trong Chương trình Xóa mù chữ

- Thời gian thực hiện và hoàn thành nội dung môn Toán ở mỗi kỳ, giai đoạn quy định theo số tiết học. Mỗi tiết học tương đương 35 phút. Tổ chức dạy học theo hình thức vừa làm vừa học. Tùy theo tình hình của địa phương và điều kiện của người học để tổ chức theo lớp, nhóm hoặc cá nhân; thời gian học có thể liên tục trong tuần hoặc có thể gián đoạn.

- Đối với các hoạt động giáo dục củng cố, tăng cường, hoạt động theo nhu cầu người học được tổ chức theo hình thức trải nghiệm, tham quan, hoạt động xã hội, tìm hiểu văn hóa địa phương, ..., Giám đốc trung tâm tổ chức xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện phù hợp với kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện cụ thể của trung tâm, tạo môi trường cho HV được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong môn Toán để vận dụng vào thực tiễn.

2. Kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục hỗ trợ

a) Kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục là kế hoạch thực hiện chương trình môn học, hoạt động giáo dục ở mỗi kỳ đảm bảo hiệu quả theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình môn Toán, hoạt động giáo dục; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trung tâm và đối tượng HV.

b) Sau khi có kết quả khảo sát tình trạng xóa mù chữ và được giao thực hiện, giám đốc trung tâm ban hành kế hoạch thời gian tổ chức thực hiện, giáo viên/tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục; đảm bảo giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong Tài liệu xóa mù chữ hoặc sách giáo khoa (tham khảo thêm); đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đặc điểm đối tượng HV. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học phù hợp với tình hình thực tế. Việc xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục cần đảm bảo phát huy vai trò từng cá nhân, tính tương tác, hợp tác các thành viên trong tổ để đảm bảo tính liên thông giữa các môn học và hoạt động giáo dục.

c) Sau khi được giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục; giáo viên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên tổ chuyên môn hay các giáo viên cùng tham gia dạy xóa mù chữ về dự thảo kế hoạch; hoàn thiện dự thảo kế hoạch trình giám đốc phê duyệt theo từng kỳ và cả giai đoạn.

d) Giáo viên chủ động nghiên cứu chương trình, tài liệu/sách giáo khoa và các nội dung liên quan khác; tìm hiểu về đặc điểm đối tượng HV gồm: các đặc điểm về vùng miền; hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp; chất lượng học tập kỳ trước...; lập kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục mình phụ trách, phù hợp điều kiện thực tiễn tại địa phương và sinh hoạt, tập quán người học.

đ) Trung tâm thông qua tổ chuyên môn xác định những chủ đề/bài học có những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có); tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học môn học, hoạt động giáo dục theo kế hoạch; giám sát, kiểm tra, đánh giá và đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục trong quá trình thực hiện.

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TOÁN

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch (*chương trình môn học, hoạt động giáo dục, tài liệu/sách giáo khoa, kế hoạch thời gian thực hiện, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, hướng dẫn thực hiện các môn học của các cấp có thẩm quyền...*)

II. Điều kiện thực hiện môn học, hoạt động giáo dục (*đội ngũ giáo viên, đặc điểm đối tượng HV, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn (nếu có),...*)

III. Kế hoạch dạy học, hoạt động giáo dục môn Toán

1. Gợi ý phân phối chương trình môn Toán

Mục	Tên bài học	Tiết học/ thời lượng	Ghi chú

2. Hoạt động giáo dục

.....

3. Kế hoạch bài dạy

a) Kế hoạch bài dạy do giáo viên thiết kế bao gồm các hoạt động của HV và giáo viên trong quá trình dạy học một tiết học/bài học/chủ đề (sau đây gọi chung là bài học) nhằm giúp HV đạt được yêu cầu cần đạt. Kế hoạch bài dạy được giáo viên thực hiện chủ động, linh hoạt phù hợp với đối tượng HV, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất; được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với đối tượng HV và điều kiện tổ chức dạy học.

b) Giáo viên căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của trung tâm; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục tài liệu, sách giáo khoa, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: Yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể như sau:

- *Yêu cầu cần đạt của bài học*: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, giáo viên chủ động sử dụng tài liệu, sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HV, đặc điểm của trung tâm, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HV thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

- *Đồ dùng dạy học*: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

- Hoạt động dạy học chủ yếu: Giáo viên chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp đối tượng HV.

+ Hoạt động học tập của HV bao gồm hoạt động khởi động; hình thành kiến thức mới; hoạt động luyện tập, thực hành và hoạt động vận dụng, ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề trong đời sống thực tế. Các hoạt động học tập (*kể cả hoạt động tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn*) của HV, tùy theo mục đích, tính chất của mỗi hoạt động, được tổ chức làm việc cá nhân, theo nhóm hoặc cả lớp; đảm bảo mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập hay trải nghiệm thực tế.

+ Hoạt động của giáo viên: tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động học cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn, phát huy kinh nghiệm, vốn sống, khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được trong lao động sản xuất để học tập; thực hiện nhận xét, đánh giá, phản biện trong quá trình học tập.

- *Điều chỉnh sau bài dạy*: Giáo viên ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau. Nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

c) Giáo viên thực hiện lưu trữ kế hoạch bài dạy theo hình thức phù hợp, khoa học và báo cáo tổ trưởng chuyên môn, giám đốc/hiệu trưởng khi có yêu cầu; có thể sử dụng kế hoạch bài dạy xây dựng từ khóa trước để thực hiện bổ sung, điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, để tổ chức dạy học hiệu quả; đảm bảo hình thức khoa học, thuận lợi, hiệu quả; tăng cường ứng dụng công

nghe thông tin trong quản lý trên cơ sở đánh giá đúng thực chất và tôn trọng, động viên tinh thần đổi mới, sáng tạo của giáo viên.

d) Khi tổ chức hoạt động dạy học (thực hiện Kế hoạch bài dạy), giáo viên cần chú ý một số nội dung sau:

- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HV, thể hiện ở việc nêu vấn đề, hướng dẫn cách thực hiện và yêu cầu về sản phẩm mà HV phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú học tập của HV; đảm bảo cho tất cả HV tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- *Tổ chức cho học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập*: khuyến khích HV hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HV và có biện pháp hỗ trợ, động viên kịp thời, phù hợp, hiệu quả; không “bỏ quên” HV nào.

- *Tổ chức cho học sinh trình bày kết quả và thảo luận*: hình thức trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HV trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

- *Nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HV; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến trao đổi, thảo luận của HV nhằm giúp học sinh có hứng thú, niềm tin trong học tập, cải thiện được kết quả học tập; chính xác hóa các kiến thức mà HV đã học được thông qua hoạt động.

- Kịp thời liên kết với kiến thức vừa học gắn với tình huống thực tế liên quan gần và thiết thực trong lao động sản xuất.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục lớp

Tên bài học:; số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày...tháng...năm...(hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. *Yêu cầu cần đạt*: Nêu cụ thể HV thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. *Đồ dùng dạy học*: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HV hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

- Hoạt động khởi động;
- Hoạt động Hình thành kiến thức (*đối với bài mới*).
- Hoạt động Luyện tập/thực hành.
- Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (*nếu có*).

4. Điều chỉnh sau bài dạy (*nếu có*).

II. PHÂN PHỐI TIẾT HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ ÔN TẬP, KIỂM TRA KỲ I

1. Thời lượng thực hiện chương trình

a) Thời lượng thực hiện chương trình ở các kỳ

Kỳ	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5
Số tiết	75	95	100	135	132
Phân đoạn	Giai đoạn 1 (270 tiết)			Giai đoạn 2 (267 tiết)	
Tổng số tiết toàn Chương trình	537 (tiết)				

Thời gian thực hiện mỗi tiết học là 35 phút/tiết.

b) Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung ở từng lớp (không tính chuyên đề học tập) như sau:

Kỳ	Nội dung	Số và phép tính	Hình học và Đo lường	Thống kê và Xác suất
Chương trình Xóa mù chữ	Kỳ 1	85%	15%	0%
	Kỳ 2	75%	20%	5%
	Kỳ 3	70%	25%	5%
	Kỳ 4	75%	20%	5%
	Kỳ 5	55%	40%	5%
Toàn bộ chương trình		71%	24%	5%

- Như vậy, Kỳ 1 chỉ có 02 nội dung: Số và phép tính; Hình học và Đo lường, tổng cộng là 75 tiết (gồm cả các tiết ôn tập và kiểm tra)

- Căn cứ vào Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục thì nội dung phần số và phép tính là 64 tiết và nội dung về hình học và đo lường là 11 tiết. Trong đó, chọn 8 tiết dành thời gian cho các bài kiểm tra định kỳ.

Căn cứ vào yêu cầu kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ của môn Toán, GV, tổ chuyên môn tham mưu xây dựng Chương trình chi tiết môn Toán kỳ 1.

2. Gợi ý phân phối, phân bố theo tiết học theo bài học

Việc cụ thể hóa các nội dung dạy học trong Chương trình XMC môn Toán phụ thuộc vào điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục căn cứ Chương trình XMC môn Toán, cụ thể hóa cho từng bài học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt của Chương trình.

Dưới đây là gợi ý phân phối, phân bố số tiết học cụ thể (tham khảo)

STT	Tên bài	Số tiết
1.	BÀI 1. CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 9	2
2.	BÀI 2. SỐ 0 VÀ SỐ 10	1
3.	BÀI 3. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10	2
4.	BÀI 4. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10	2
5.	BÀI 5. BẢNG CỘNG TRONG PHẠM VI 10	2
6.	BÀI 7. BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10	2
7.	BÀI 6. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10	2
8.	BÀI 8. LUYỆN TẬP CHUNG	2
9.	BÀI 9. HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN, HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT	1
10.	BÀI 10. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 20	2
11.	BÀI 11. CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ TỪ 21 ĐẾN 99	3
12.	BÀI 12. CHỤC VÀ ĐƠN VỊ	2
13.	BÀI 13. BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100	2

STT	Tên bài	Số tiết
14.	BÀI 14. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100	3
15.	BÀI 15. KHỐI HỘP CHỮ NHẬT, KHỐI LẬP PHƯƠNG	1
16.	BÀI 16. PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 20	2
17.	BÀI 17. PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 20	2
18.	BÀI 18. ĐO ĐỘ DÀI	3
19.	BÀI 19. CÁC NGÀY TRONG TUẦN. THỰC HÀNH XEM LỊCH	2
20.	BÀI 20. ĐỒNG HỒ. THỜI GIAN	2
21.	BÀI 21. PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100	3
22.	BÀI 22. PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100	3
23.	BÀI 23. LUYỆN TẬP CHUNG	2
24.	BÀI 24. CỘNG, TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC	2
25.	BÀI 25. PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 20	3
26.	BÀI 26. PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 20	3
27.	BÀI 27. PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100	3
28.	BÀI 28. PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100	3
29.	BÀI 29. LUYỆN TẬP CHUNG	2
30.	BÀI 30. ÔN TẬP CUỐI KỲ	3
	TỔNG	67

Tổng số 67 tiết (đã trừ 8 tiết kiểm tra)

(Chương trình chi tiết hằng năm được điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn tại địa phương và cơ sở giáo dục)

3. Gợi ý phân phối, phân bổ theo chuyên đề học tập

- Chuyên đề học tập môn Toán là nội dung giáo dục nhằm giúp HV tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của người học.

- Các chuyên đề học tập môn Toán thực hiện ở kỳ 5 của Chương trình. Môn Toán của giai đoạn 2 thiết kế từ 3-5 chuyên đề học tập. Thời lượng mỗi chuyên đề học tập tương đương từ 5-10 tiết học. Các chuyên đề trong mỗi môn học có số tiết như nhau. HV bắt buộc chọn 2 chuyên đề/môn học theo nhu cầu. Thời lượng của 2 chuyên đề học tập bắt buộc này nằm trong tổng thời lượng của môn học. Mỗi chuyên đề học tập quy định tối thiểu 50% thời lượng dành cho HV tự học.

Các chuyên đề tự chọn môn Toán dưới đây sẽ được giảng dạy trong Kỳ 5 cụ thể như sau:

Chuyên đề 1: Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính

Chuyên đề 2: Thống kê và số liệu thống kê trong quản lý, sản xuất

Chuyên đề 3: Ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng

Cơ sở giáo dục tổ chức cho HV lựa chọn 2 trong 3 chuyên đề trên tùy vào điều kiện thực tế tại mỗi địa phương. Số tiết cụ thể của từng Chuyên đề được cụ thể hóa trong Tài liệu hướng dẫn dạy học môn Toán Kỳ 5.

III. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY CÁC BÀI HỌC

1. Phương pháp dạy học bài mới

Khi dạy học bài mới, GV cần khai thác kinh nghiệm, vốn sống của HV, GV chỉ dẫn dắt giúp học viên tự phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề để tiếp nhận kiến thức mới. Bởi vậy GV cần:

a) Khai thác kinh nghiệm, vốn sống của HV đã được trải nghiệm trong lao động, sản xuất mà họ có được; để HV tự phát hiện và giải quyết vấn đề, tiếp nhận kiến thức mới

Chẳng hạn, khi học Bảng cộng trong phạm vi 10. GV nên cho HV hoàn thiện theo hướng vận dụng các đơn vị cụ thể như: đếm số bàn ghế trong lớp, cây cối xung quanh, có thể giao cho HV về nhà tự hoàn thiện lấy, GV chỉ cần kiểm tra, tập hợp kết quả rồi nhận xét.

b) Liên hệ kiến thức toán học giải quyết các công việc liên quan, hằng ngày của HV và GV tổng hợp ghi nhớ cho HV

HV nếu là người lớn tuổi đã tham gia lao động sản xuất, đã tiếp cận và tiếp xúc nhiều đồ vật, vật dụng hằng ngày; do vậy nhiều đồ vật đã biết nhưng có thể chưa chuẩn xác về khái niệm hay tên gọi. Thông qua bài học liên quan, GV hướng dẫn HV đồng nhất khái niệm toán học với tên gọi thực tiễn hằng ngày được tiếp xúc. Chẳng hạn, người lớn tuổi đã biết đến cánh cửa có dạng hình chữ nhật, thông qua bài dạy hình chữ nhật mà giáo viên ghi nhớ khái niệm này gắn liền và đồng nhất khái niệm toán học và thực tế tên gọi; lấy nhiều các ví dụ tương tự mà người học tiếp xúc.

Nếu HV thấy khó khăn trong tính toán, GV lấy tình huống cụ thể trong những công việc quen thuộc của người học.

c) Nêu các tình huống quen thuộc trong đời sống và cho HV tham gia thảo luận và giải quyết yêu cầu thực tế đặt ra

HV là người lớn tuổi, họ đã có vốn sống hay kiến thức nhất định thông qua lao động, sản xuất. Những bài học liên quan nhiều tới công việc hằng ngày mà họ thường xuyên tiếp xúc, GV cần tăng cường để HV thảo luận và tự giải quyết vấn đề. Giáo viên là người tham gia vào câu chuyện của họ và dẫn dắt vấn đề giải quyết một cách tự nhiên theo mục tiêu tiết học. Chẳng hạn, khi HV học bài Tiền Việt Nam, GV dẫn dắt việc đi chợ, mua hàng hóa, sử dụng các mệnh giá của đồng tiền. Qua câu chuyện thực, tình huống đặt ra mà HV tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên.

2. Phương pháp dạy học bài luyện tập

Khi học bài luyện tập, HV phải vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải các bài tập và thông qua đó ghi nhớ được các kiến thức đã học. Bởi vậy GV cần:

a) Tổ chức gọi mở cho HV kiến thức học liên quan đến bài tập luyện tập và hướng dẫn HV áp dụng vào giải bài tập

Trong giờ luyện tập cần có những hoạt động giúp HV nhớ lại kiến thức cũ hay kiến thức liên quan tới bài luyện tập.

Chẳng hạn, sau khi học phép cộng hay phép trừ trong phạm vi 10 với các bài tập dạng $1 + 9 = \dots$, $10 - 5 = \dots$, HV dễ dàng nhận ra $1 + 9$ và $10 - 5$ đã gặp trong

bảng cộng, trừ trong phạm vi 10, từ đó áp dụng các công thức đã cho trong bảng trên để làm bài tập; còn với bài tập phải so sánh hai biểu thức số $6 - 4 \dots 7 - 2$, trước hết HV phải nhận ra $6 - 4$ và $7 - 2$ đã gặp trong các công thức đã học $6 - 4 = 2$ và $7 - 2 = 5$, từ đó điền dấu $<$ vào chỗ chấm; $6 - 4 < 7 - 2$.

b) Tổ chức, hướng dẫn HV thực hành, phân loại và làm được nhiều bài tập ngay tại lớp, để thông qua đó họ ghi nhớ được các kiến thức đã học.

Hầu hết HV không có điều kiện làm bài tập ở nhà, vì vậy cần tổ chức hướng dẫn để HV càng làm được nhiều bài tập tại lớp càng tốt. Trong một tiết luyện tập, có thể có những HV làm bài tập nhanh hơn các bạn khác. Vì vậy GV cần giúp đỡ những HV làm bài chậm về cách làm bài để họ có thể theo kịp các bạn làm được nhiều bài tập ngay tại lớp và yêu cầu HV khá giỏi làm hết bài tập của tiết học hay hỗ trợ các bạn học yếu.

c) Giao bài tập tương tự bài tập vừa làm trên lớp gắn với thực tiễn đời sống lao động của HV

HV sẽ yêu thích và có động lực học tập, làm bài tập khi các bài tập gắn liền với đời sống của HV. Đặc biệt là giải quyết luôn công việc hằng ngày đó.

Chẳng hạn sau khi luyện tập Bài đồng hồ thời gian, GV bổ sung thêm các bài tập liên quan tới các hoạt động thường ngày của HV như: hằng ngày thời điểm đi làm, về nhà; thời gian làm việc, làm thường ngày... Điều này sẽ tạo ra hứng thú cho HV, việc vận dụng trực tiếp kiến thức trong cuộc sống.

IV. CẤU TRÚC NỘI DUNG HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT BÀI HỌC TOÁN XÓA MÙ CHỮ KỲ 1

1. Yêu cầu cần đạt:

Trong phần này chỉ nêu các yêu cầu mà HV cần đạt được về năng lực và phẩm chất sau mỗi chủ đề/bài học.

- Yêu cầu về năng lực cần gắn với yêu cầu cần đạt trong Chương trình học mà chủ đề đó cần giải quyết. Yêu cầu cần đạt có thể cụ thể hóa về mặt kiến thức, kỹ năng đạt được về mặt kiến thức sau học. Sau khi học xong các kiến thức, cùng với việc tổ chức dạy học của GV sẽ giúp HV góp phần hình thành năng lực đặc thù gì của môn Toán (tránh đưa ra các năng lực chung xa với mục tiêu bài học).

- Yêu cầu về phẩm chất theo 5 thành phần cơ bản của phẩm chất. GV cần bám sát vào các biểu hiện của từng phẩm chất trong Chương trình; căn cứ nội dung, tổ chức hoạt động giáo dục để đánh giá các hoạt động đề ra góp phần hình thành thế mạnh của thành phần phẩm chất gì trong các hoạt động giáo dục.

- Các yêu cầu cần đạt trong bài học là yêu cầu tối thiểu, là yêu cầu chung cho mọi HV. Tuy nhiên, với HV tiếp thu bài tốt GV có thể linh hoạt đưa ra đơn vị kiến thức với yêu cầu đạt cao hơn. Tuy nhiên, phải đảm bảo về thời gian, thời lượng dạy học lượng và phù hợp với đa số HV.

2. Thiết bị dạy học

Phần này thường chỉ gợi ý một số thiết bị chủ yếu đặc trưng cho mỗi bài; chẳng hạn mô hình, hình vẽ, bảng có sẵn (bảng tóm tắt, bảng tổng kết...), bảng phụ, phiếu học tập... còn các thiết bị thông thường như thước kẻ, phấn, bút dạ... thì GV căn cứ vào điều kiện, yêu cầu của mỗi bài tự đề xuất và chuẩn bị. Hình vẽ, bảng có sẵn, bảng phụ có thể vẽ hoặc viết trên các tờ giấy to (có dây treo) để tiện sử dụng. Tùy theo điều kiện thực tế của trung tâm, khuyến khích giáo viên sử dụng máy chiếu để tăng cường các hiệu ứng, hình ảnh trực quan hỗ trợ người học.

Hình vẽ, bảng có sẵn thường dùng để minh họa hoặc cung cấp tư liệu.

Bảng phụ thường dùng để viết các bài tập mà cả lớp cần theo dõi hoặc tham gia, hoặc kết quả làm bài tập đó cả lớp cần sử dụng trong suốt tiết học. HV có thể giải bài tập ngay trên bảng phụ.

Phiếu học tập thường dùng để giao nhiệm vụ học tập (phát hiện kiến thức, rèn luyện kỹ năng...) cho cá nhân hoặc nhóm HV. Nhiệm vụ ghi trong phiếu học tập nên ngắn gọn, đơn giản để HV có thể nhanh chóng hoàn thành. Tùy theo điều kiện và ý đồ hướng dẫn của GV mà phiếu học tập được chép tay hoặc phô tô thành nhiều bản để phát cho từng HV hoặc nhóm HV.

Máy chiếu, được sử dụng lợi thế đối với các bài có nhiều hình ảnh liên quan tới bài học mà giáo viên cần trang bị cho HV; các clips, video tình huống giúp tiết học sinh động, đa dạng cách tiếp cận, cập nhật những nội dung mới trong tài liệu; hỗ trợ trực quan hóa.

Các thiết bị trên không chỉ thể hiện ý đồ hướng dẫn HV phát hiện, tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng trong bài học, mà còn làm giảm "thời gian chết" ở trên lớp. Khuyến khích sử dụng các phần mềm dạy học, có nhiều hình ảnh trực quan, sinh động trong dạy học; các bài giảng được số hóa trong đó nội dung các đơn vị kiến thức được phân nhánh, HV có thể tương tác trực tiếp với các yêu cầu bài học.

3. Những điều cần lưu ý

Trong phần này, giải thích rõ hơn về phạm vi, nội dung và mức độ yêu cầu của một vài vấn đề; nêu những kiến thức, kỹ năng cần được chú ý, những sai lầm HV thường mắc phải trong bài học và cách khắc phục...

4. Gợi ý dạy học

Có nhiều cách thiết kế quá trình dạy học một bài học Toán Kỳ 1 XMC. Nhưng dù thiết kế theo cách nào cũng phải tuân theo định hướng chung về phương pháp dạy học Toán trong Chương trình Xoá mù chữ là: *"Tích cực hoá các hoạt động học tập của HV, rèn luyện khả năng tự học, tự phát hiện và giải quyết vấn đề, nhằm hình thành ở HV phương pháp học tập và làm việc tích cực, chủ động khoa học và sáng tạo"*

Muốn thế, quá trình dạy học một bài học Toán Lớp 1 XMC phải được tổ chức thông qua các hoạt động của HV.

Đối tượng người lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm, vốn sống; nhiều kiến thức họ đã được trải nghiệm trong cuộc sống, lao động và sản xuất...Do đó, khởi động trước dạy học là yếu tố tiền đề quan trọng trong mỗi bài học. Hơn nữa, để kiến thức học có ý nghĩa, vận dụng ngay trong lao động, sản xuất thì các bài dạy đề cao tính vận dụng của kiến thức học vào đời sống. Đây là hướng mới trong dạy và học để hình thành năng lực và phẩm chất cho HV.

Bởi vậy, trong phần này các tác giả sẽ gợi ý một hệ thống các hoạt động từ việc khởi động, kiến thức mới, luyện tập và hướng tới vận dụng (theo thứ tự trong các bài học). Các tác giả không chỉ rõ hoạt động nào là kiểm tra, kiểm tra đầu giờ mà Tài liệu hướng dẫn gợi ý định hướng tổ chức dạy học theo từng mục bám theo thứ tự của TLH viên. Tuy nhiên, rất linh hoạt mà không nhất thiết phải lấy luôn các ví dụ trong TLH, để phù hợp với từng vùng miền, gần gũi với cuộc sống của HV.

Trong các mục gợi ý dạy học, tác giả thường sử dụng một số ký hiệu mang các ý nghĩa đặc trưng như: (.....*ghi nội dung bên trong*.....) (trong ngoặc đơn và in chữ nghiêng); ☞ •; •; hay ✎. Mỗi ký hiệu này được đặc trưng bởi các ý nghĩa riêng, cụ thể như sau:

a) *Loại công việc được kí hiệu bằng (.....ghi nội dung bên trong.....)* là biểu thị nội dung dẫn dắt của GV, gợi ý về ý nghĩa của các bài tập trong nội dung TLH hay những lưu ý đối với HV, lưu ý đối với kiến thức bài học)

b) *Loại công việc được kí hiệu bằng ☞ • hay •* là các gợi ý cụ thể việc tổ chức hoạt động dạy học của GV. Đối với mỗi nội dung (*như khởi động, bài tập...*) thường gồm một chuỗi các hoạt động sau:

- * Tổ chức cho HV làm bài tập.
- * Gợi ý, hướng dẫn cho HV làm bài tập.
- * Nhận xét, đánh giá, sửa chỗ sai của HV hoặc tổ chức cho HV nhận xét, đánh giá sửa chỗ sai của bạn (chẳng hạn tổ chức cho HV chấm chéo bài làm của nhau).
- * Hoàn chỉnh, bổ sung kiến thức.
- * Nêu chú ý.
- * Hệ thống hóa kiến thức.

Tùy từng hoạt động mà tác giả gợi ý đầy đủ hoặc chỉ gợi ý một vài công việc đã nêu ở trên, GV tùy theo thực tế mà bổ sung cho phù hợp.

Thông thường, trong mỗi hoạt động dạy học, hay bài tập, HV được thực hiện dưới hình thức tổ chức dạy học của giáo viên. Do đó, sau mỗi hoạt động dạy học hay bài học Tài liệu này thường hướng dẫn GV phương pháp tổ chức, hình thức dạy và học, trong đó có hoạt động của HV. Hoạt động này được hướng dẫn, gợi ý bằng công cụ nhận dạng là ☞ • và tiếp theo là các dấu •.

Điều này có hàm ý là HV phải làm việc trước thông qua việc tổ chức hoạt động dạy học của giáo viên. Qua đó, HV chuẩn bị "tâm thế" để tiếp nhận kiến thức hoặc rèn luyện kỹ năng một cách chủ động.

c) *Các ký hiệu ✎ là gợi ý cách giải hay kết quả của một bài tập cụ thể trong TLH*

Nhìn chung, mỗi tiết dạy học Toán 1 XMC thường có 4, 5 hoạt động. Mỗi hoạt động được gợi ý tổ chức dạy học theo thứ tự trong Tài liệu của HV. TLH ghi theo

thứ tự các mục từ khởi động, kiến thức, luyện tập và vận dụng theo đúng thứ tự trong Tài liệu của HV mà không ngắt chi tiết theo các tiết học để GV chủ động, linh hoạt trong dạy học. Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tiễn, GV có thể khai thác thêm các bài tập khác ngoài TLH để hướng dẫn HV.

Các thiết bị dạy học ở mục II góp phần tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục của GV, phục vụ cho ý đồ tổ chức quá trình dạy học, cũng như chuẩn bị của HV trong mỗi bài học môn Toán 1 XMC.

Quá trình dạy học được thực hiện theo cách trên, GV vẫn là người giữ vai trò chủ đạo, còn HV là người giữ vai trò chủ động.

Bài 1**CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 9****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết được các số từ 1 đến 9. Thông qua các số, HV nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số từ 1 đến 9.

* *Phát triển năng lực*: Góp phần phát triển năng lực toán học. Các năng lực cốt lõi như: năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính, ghim,...); (các mô hình, que tính, ghim,...).

- Một số đồ vật quen thuộc như: trái cây, hạt ngô, bút viết... trong phạm vi học.

- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong các bài Tiếng Việt học trước bài này, HV đã được làm quen với các số từ 1 đến 9, nhưng chỉ ở mức độ đọc, viết các số trên. Còn trong bài này, khi giải các bài tập HV có được khái niệm ban đầu về các số từ 1 đến 9, thông qua việc đếm số hình tròn rồi viết số tương ứng đếm các đồ vật, con vật trong tranh.

2. Tuy HV đã biết đọc, biết viết, nhưng có thể chưa thành thạo. Vì vậy từ bài này trở đi, mỗi khi học bài nào GV cần hướng dẫn HV mở TLH đến đúng bài đó, rồi đọc đầy đủ tên bài học để định hướng cho họ.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- ☞ • GV hỏi HV về số đếm các con vật trong bức tranh;

• Trong phần này, GV cần cho HV bước đầu làm quen với số lượng và nhận mặt các số từ 1 đến 9. GV có thể chỉ vào bức tranh đầu tiên và giới thiệu: “Trong tranh vẽ có mấy con dê, mấy con vịt, mấy cây xanh, GV viết các số tương ứng trên bảng.

Lưu ý:

- Khi quan sát bức tranh, GV nên chỉ vào con dê và đếm “một”, rồi chỉ vào con thứ hai và đếm “hai”...., sau đó giới thiệu: “Trong bức tranh có sáu con dê”. Tương tự, GV đếm và giới thiệu các con vật, cây xanh còn lại.

-GV thực hiện việc đếm, giới thiệu và viết số tương tự với các con còn lại.

-Ưu tiên đếm các đồ vật/con vật thật thay thế cho tranh vẽ trong Tài liệu .

2. Hình thành kiến thức

- GV giải thích minh họa giữa hình ảnh, số chấm và con số; Để hình thành số gắn với biểu tượng, GV ghi nhớ cho HV bằng cách che số nhìn biểu tượng đọc số và ngược lại;

- GV có thể hỏi HV về nội dung các bức tranh tương ứng (bức tranh minh họa gì?...) sau đó yêu cầu HV đếm và nêu kết quả.

3. Luyện tập

Bài 1. Đếm số quả tương ứng trong từng tranh vẽ

☞ • GV mời lần lượt HV đứng tại chỗ đếm và đọc số tương ứng trong từng túi.

- Bài này, GV có thể phát triển thành các vật thật phù hợp với yêu cầu bài dạy.

Bài 2. Đọc các số còn thiếu trong ô trống?

☞ • GV mời HV đứng tại chỗ đếm từ 1 đến 9 và đếm ngược lại.

• Khi đếm yêu cầu HV chỉ tay vào từng con số và từng ô trống để dễ phát hiện số còn thiếu.

- GV mời 02 HV đứng tại chỗ nêu các số còn thiếu.

Bài 3. Tập viết số

- ☞ • GV hướng dẫn HV viết các số từ 1 đến 9 vào vở có chia ô ly.
- Kịp thời hướng dẫn HV yêu cách viết đúng.

Bài 4. Số?

- ☞ • GV hướng dẫn HV đếm và ghi số tương ứng vào vở ghi.
- HV đếm xong đọc các số tương ứng như: có 6 con bướm, có 5 con ong...

4. Vận dụng

Bài 5. Số?

- ☞ • GV dành thời gian tổ chức sinh hoạt nhóm theo hướng dẫn.
- HV thảo luận, tìm và đếm số người, miếng dưa hấu, số bông hoa, số cốc nước.
- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

Bài 2

SỐ 0 VÀ SỐ 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Biết đọc, viết và bước đầu hiểu được ý nghĩa của số 0, số 10.
- Biết cách đếm các nhóm có đến 10 đồ vật. Thông qua đó, HV nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng số 10.
- Nhận biết vị trí số 0, 10 trong các số từ 0 đến 10.
- Biết vận dụng vào thực tiễn các tình huống có chữ số 0; đếm các đồ vật trong thực tiễn có 10 đồ vật.

* *Phát triển năng lực*: Góp phần phát triển năng lực toán học bao gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính, ghim,...);
- Mô hình, vật liệu, vật thật, một số hoa nhiều cánh... để tổ chức mô phỏng các biểu tượng số trong bài học;
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Vì trình độ đọc, viết Tiếng Việt của HV còn thấp, nên GV cần giải thích rõ yêu cầu của bài tập.
2. Bài tập 1, 2, 4 tiếp tục hình thành khái niệm số, các biểu tượng số cho HV.
3. Khi quan sát tranh vẽ/hình vẽ ở phần Luyện tập, HV có thể đọc các số ghi dưới mỗi hình rồi thực hiện đếm.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát hình và suy nghĩ, sau đó có thể mời hai HV đứng tại chỗ trả lời hai câu hỏi sau (mỗi người trả lời một câu):

* Trên đĩa bên trái có mấy quả?

* Trên đĩa bên phải có mấy quả?

• Nhận xét câu trả lời của HV, rồi kết luận.

* Trên đĩa bên trái có **năm quả**, ta viết số **5** và đọc là **năm**.

* Trên đĩa bên phải **không có quả** nào, ta viết số **0** và đọc là **không**.

• GV lấy thêm ví dụ cụ thể xung quanh lớp để củng cố biểu tượng và chữ số 0.

Lưu ý : chữ số 10 cấu tạo gồm 2 chữ số 0 và 1 (1 đứng trước). Số 10 có ý nghĩa quan trọng trong toán học như: hình thành lên các số tròn chục, làm tròn số...

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV có thể chỉ vào bức tranh đầu tiên và giới thiệu: “Trên khay đầu tiên có ba quả táo”. GV viết số 3 lên bảng. Sau đó, GV chuyển sang các tranh vẽ khác.

• Nhấn trọng tâm vào khay không có quả nào, để hình thành biểu tượng số 0.

• GV cũng có thể hỏi HV về số quả táo trên khay trong các tranh vẽ.

Lưu ý:

- Khi sang bức tranh thứ hai, GV chỉ vào khay có hai quả táo “hai”, rồi chỉ vào khay có hai quả táo và đếm “một, hai”, sau đó giới thiệu: “Trên khay có hai quả táo”. Tương tự, GV đếm và giới thiệu khay còn lại.

- Với bức tranh cuối cùng, GV có thể đặt câu hỏi: “Trên khay có quả táo nào không? Sau đó, GV giới thiệu: “Trên khay không có quả táo nào”. GV viết số 0 lên bảng.

☞ • Chỉ vào các bức tranh, GV có thể hỏi: “Trên khay trong bức tranh có những đồ vật gì?”.

• Đối với biểu tượng số 10, nhấn vào số chấm tròn. Ngoài ra, GV gợi ý, hướng dẫn thêm các hình ảnh, vật thật tương tự trong thực tế như: 10 ngón tay, ngón chân; trên bàn giáo viên không có quả táo...

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng HV, rồi kết luận: Có mười quả chuối hay mười chấm xanh, ta viết số **10** và đọc là **mười**.

3. Luyện tập

Bài 1. Mỗi chậu cây có mấy bông hoa?

- ☞ • Hướng dẫn HV đếm và viết hoặc đọc các số theo hình tương ứng.
- Quan sát và sửa chỗ sai cho từng HV.

Bài 2. Chọn số tương ứng với tranh

- ☞ • Hướng dẫn HV đếm và chọn số theo hình tương ứng.
- Quan sát và sửa chỗ sai cho từng HV.

Bài 3. Viết số 0 và số 10

- ☞ • Hướng dẫn HV viết số theo mẫu trong vở ghi.
- Quan sát và sửa chỗ viết sai cho từng HV.

Lưu ý : Các bài tập 1,2 tiếp tục củng cố các biểu tượng số đã học cho HV.

4. Vận dụng

Bài 4. Đếm số cánh hoa

- ☞ • GV hướng dẫn HV đếm và ghi lại số cánh hoa trên một bông hoa;
- GV dành thời gian để HV tìm hiểu về những bông hoa với số cánh hoa khác nhau trong thực tiễn.
- GV hướng dẫn HV đếm và ghi lại số cánh hoa trong từng bông hoa và đếm số lượng các bông hoa rồi nêu câu trả lời.
- Ngoài số cánh hoa, GV hướng dẫn HV đếm số bàn, số ghế trong lớp; ngoài ra có thể đếm thêm các đồ vật khác trong phạm vi từ 0 đến 10.

Bài 5. Đếm số người trong gia đình của mình

- ☞ • GV hướng dẫn HV liệt kê tên các thành viên trong gia đình, đếm và ghi lại (nếu có thời gian hoặc giao về nhà).

Bài 3

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10
- Bước đầu biết so sánh số lượng trong phạm vi 10. Đọc được các dấu $<$, $>$, $=$;
- Bước đầu biết sử dụng các từ "lớn hơn", "bé hơn", "bằng nhau" và các dấu $>$, $<$, $=$ khi so sánh các số;
- Thực hành vận dụng so sánh các số trong tình huống thực tiễn.

* *Phát triển năng lực*: Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Bảng phụ Bài 10, tranh vẽ minh họa.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nếu GV không có điều kiện vẽ hình thì có thể sử dụng các nhóm đồ vật (tương ứng với các nhóm đồ vật có trong các hình vẽ của bài học này).
2. GV có thể hướng dẫn HV theo thứ tự các dạng bài tập trong TLH; hoặc phân theo nhóm nội dung, chẳng hạn như: lớn hơn, bé hơn, bằng nhau.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV có thể dẫn dắt vào bài bằng câu hỏi “Các em tự đếm số người trong gia đình của em, gia đình em có bao nhiêu người?”. Sau đó nói: “*Hôm nay chúng ta sẽ học cách so sánh số người trong gia đình của hai bạn trong lớp nhé!*”

- GV cho HV quan sát bức tranh, liệt kê các đồ vật trên bàn, đếm số lượng người trong tranh. Sử dụng các thuật ngữ “nhiều hơn”, “ít hơn” và “bằng nhau” để nói về các đồ vật trong bức tranh đã liệt kê.

- GV ghi số đồ vật, số người trên bảng.

- Tiếp theo, GV yêu cầu HV so sánh số đồ vật trên bàn so với số người trong tranh vẽ.

- GV có thể kết luận, chẳng hạn: “Số cái ca *nhiều hơn* số người” (chỉ vào nhóm có 7 cái ca nhiều hơn số người là 6). Tiếp theo số cái thìa *ít hơn* số người (chỉ vào số lượng thìa là 5)...

- Sau đó, GV hướng dẫn các em viết phép so sánh: $7 > 6$ hay $5 < 6$ vào vở.

- GV có thể dẫn dắt tương tự với số lượng người bằng số lượng bát trong tranh.

2. Hình thành kiến thức

Từ việc phân tích các đồ vật trong tranh vẽ, GV hình thành cho HV các ký hiệu $>$, $<$, $=$.

☞ • GV dành thời gian cho cả lớp quan sát, rồi mời vài HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi trên, đồng thời đọc và ghi ký hiệu.

- Nhận xét và sửa chỗ sai trong câu trả lời của HV, rồi vừa nói vừa viết dưới Hình 1:

- * Ta thấy: 7 cái ca **nhiều hơn** 6 cái bát

- * Ta viết: $7 > 6$

- * Và đọc là: bảy **lớn hơn** sáu (dấu $>$ đọc là **lớn hơn**)

*Quan sát hình vẽ, rồi cho biết: số cái đĩa **nhiều hơn**, **ít hơn** hay **bằng** số cái bát, cụ thể là bao nhiêu?*

- * Ta thấy: 6 cái đĩa **bằng** 6 cái bát

- * Ta viết: $6 = 6$

- * Và đọc là: sáu **bằng** sáu (dấu $=$ đọc là **bằng**).

3. Luyện tập

Bài 1. Dùng các cụm từ “nhiều hơn”, “ít hơn” và “bằng nhau” để mô tả số các bát, thìa và ca dưới đây:

☞ • Hướng dẫn HV quan sát tranh vẽ, chỉ hình và đọc các cụm từ “nhiều hơn”, “ít hơn” và “bằng nhau”. Cụ thể, HV đọc: số cốc nhiều hơn số bát; số thìa ít hơn bát; số bát bằng số đĩa.

- Hướng dẫn HV kết hợp ghi theo ký hiệu khi đếm số lượng các đồ vật.

Bài 2, 3. Chọn bên nhiều hơn (theo mẫu); chọn bên ít hơn

☞ • HV bắt đầu so sánh từ hình ảnh liên quan tới con số; GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và xác định số lượng đồ vật trước khi viết các dấu $>$, $<$ hay $=$.

• Mời một HV đứng tại chỗ làm bài tập này hoặc đứng tại chỗ (nếu dùng máy chiếu) và yêu cầu các HV còn lại làm bài tập này vào TLH.

- Nhận xét và sửa chữa chỗ điền sai của HV trực tiếp.

Bài 4, 5, 6, 7. Chọn dấu phù hợp (theo mẫu)

☞ • Các bài tập từng bước củng cố biểu tượng, con số và cuối cùng so sánh được các số cụ thể.

- GV dành thời gian để HV tự luyện tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

Bài 8. Viết dấu

☞ • Tập viết dấu vào vở ghi.

- Quan sát và sửa chỗ sai của từng HV.

4. Vận dụng

Bài 9

☞ • GV có thể dành nhiều thời gian cho bài này hơn và có thể viết lại 11 số đã học lên bảng: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

- Cho học sinh quan sát thứ tự các số xuất hiện từ trái qua phải.
- Để làm được bài 9 HV cần thuộc thứ tự các số. Sau khi để HV tự làm bài, GV hướng dẫn bằng cách đặt câu hỏi trước. Trong ba số trên, số nào lớn nhất, số nào bé nhất.

Lưu ý : Bài tập củng cố thứ tự các số trong phạm vi 10 theo 02 chiều.

Bài 10. Chậu hoa nào có nhiều bông hoa nhất:

☞ • Tổ chức để HV thảo luận theo nhóm; HV đếm, thống nhất cùng xác định rõ số lượng hoa, ghi số và so sánh số.

- GV tổ chức để các nhóm nhận xét chéo nhau.

Bài 4

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng.
- Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

* Phát triển năng lực: Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Que tính; chuẩn bị một số tình huống hình thành nên khái niệm phép cộng; sử dụng phép cộng.
- GV căn cứ sự tiếp thu của HV, có thể bổ sung thêm các ví dụ ngoài TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Việc hình thành lên kiến thức, khái niệm phép cộng nên xuất phát từ việc quan sát sự vật trong thực tiễn HV từng trải qua. Qua đó, HV càng nhận biết sâu sắc hơn ý nghĩa của phép cộng.

2. Việc kể chuyện trong Bài tập 7 vừa giúp HV thấy được ý nghĩa thực tế của phép cộng vừa chuẩn bị cho HV giải bài toán có lời văn. Khi làm bài tập này không yêu cầu thực hiện phép tính.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV chuẩn bị hạt ngô, phân ra thành hai nhóm hạt rồi gộp lại thì được tất cả bao nhiêu hạt ngô. Cách tìm kết quả là dựa vào phép đếm và đếm tất cả.

Tương tự như trên, GV có thể lấy thêm các ví dụ minh họa khác.

2. Hình thành kiến thức

☞ • Gộp lại thì bằng mấy? Hình thành “*khái niệm*” ban đầu của phép cộng theo ý nghĩa là gộp lại. Cách tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm và đếm tất cả.

• GV nói về thao tác của gộp hai nhóm que sau rồi đếm (*có thể GV chuẩn bị trước 5 que tính*)

GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ trong TLH, gợi ý để HV tự nêu vấn đề (tình huống) cần giải quyết. Chẳng hạn, các em có thể nêu: Bạn nữ bên phải có 3 que tính và bên trái có 2 que tính. Gộp hai tay lại, có bao nhiêu que tính?

• GV hướng dẫn HV tự nêu câu trả lời: Gộp hai tay lại có tất cả 5 que tính. GV nêu cụ thể : 3 que tính và 2 que tính là 5 que tính. GV gọi một vài HV nhắc lại.

- GV nêu “Ta viết 3 và 2 là 5 như sau: $3 + 2 = 5$ (viết lên bảng), đọc là: ba cộng hai bằng năm”. GV chỉ vào dấu + và nói dấu này là dấu cộng.

- GV gọi một vài HV đọc phép tính $3 + 2 = 5$. GV gọi HV lên bảng viết $3 + 2 = 5$ và đọc phép tính. GV có thể gọi một vài HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “ba cộng hai bằng mấy?”.



Hình ảnh này nhằm củng cố “*khái niệm*” phép cộng theo ý nghĩa là gộp lại, tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm tất cả.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính

(Các bài tập 1,2,3,4 nhằm củng cố “*khái niệm*” phép cộng theo ý nghĩa là gộp lại, tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm tất cả.)

☞ • GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HV làm bài và chữa bài theo từng phần. GV có thể hướng dẫn HV quan sát, mô tả nội dung từng hình để tìm được số thích hợp trong từng phép tính. Chẳng hạn: a) hai chấm tròn và một chấm tròn là ba chấm tròn. Sau khi chữa bài, GV cho HV đọc từng phép tính.

(Bài 1 biểu tượng số gắn với phép tính; Bài 2 căn cứ vào vật thật để viết phép tính; Bài 3 đồ vật, biểu tượng gắn với phép tính; Bài 4 hình thành các phép tính độc lập)

4. Vận dụng

Bài 5. Quan sát tranh, lập phép tính tương ứng (theo mẫu)

☞ • Dạng bài này nhằm giúp HV làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế.

• GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HV làm bài. GV có thể hướng dẫn HV quan sát từng hình vẽ trong TLH để nêu tình huống bài toán tương ứng, từ đó tìm được số thích hợp trong ô. Chẳng hạn:

• Hình 1 Có 2 con nhím và 1 con nhím. Hỏi có tất cả mấy con nhím? Từ đó HV thấy được 2 và 1 là các số thích hợp ($2 + 1 = 3$).

• Hình 2 Có 5 con gà con thêm 2 con gà con. Hỏi có tất cả mấy con gà con?

Từ đó HV thấy được 5 và 2 là các số thích hợp ($5 + 2 = 7$).

Bài 6. Lập phép tính thích hợp theo tranh

(Bài này nhằm giúp HV làm quen với cách viết phép cộng phù hợp với tình huống có vấn đề cần giải quyết trong thực tế)

☞ • GV cho HV quan sát từng hình vẽ trong TLH, nêu tình huống bài toán tương ứng rồi viết phép tính thích hợp với tình huống đã nêu. Chẳng hạn: Có 4 con thỏ đang ăn cỏ và có 3 con thỏ đến cùng ăn cỏ. Hỏi tất cả có mấy con thỏ?

• GV không áp đặt HV theo ý của mình, điều quan trọng là giúp HV viết được phép tính phù hợp với tình huống bài toán mà các em đã nêu.

Bài 7. Kể một tình huống sử dụng phép cộng trong thực tế.

☞ • GV khuyến khích HV kể chuyện, các tình huống liên quan tới phép cộng trong cuộc sống hằng ngày của HV, trong lao động sản xuất.

• Gọi HV có tinh thần xung phong.

Bài 5

BẢNG CỘNG TRONG PHẠM VI 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép cộng các số trong phạm vi 10;
- Thực hiện được việc cộng nhẩm trong phạm vi 10;
- Tìm được kết quả các phép cộng có kết quả đến 10 và thành lập Bảng cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

* Phát triển năng lực: Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Que tính; chuẩn bị một số tình huống hình thành nên khái niệm phép cộng; sử dụng phép cộng.
- Thẻ ghi số; bảng phụ ghi Bảng cộng trong phạm vi 10.
- GV căn cứ sự tiếp thu của HV, có thể bổ sung thêm các ví dụ ngoài TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Thông qua việc thành lập bảng cộng trong phạm vi 10, HV càng nhận biết sâu sắc hơn ý nghĩa của phép cộng.
2. Khi làm bài tập 3 có nhiều cách điền số thích hợp vào ô trống. Tuy nhiên, nên viết các phép tính còn lại theo cột với các số hạng tăng hoặc giảm dần để được các kết quả ở các cột là 7, 8, 9.
3. Việc làm Bài tập 4 tiếp tục giúp HV thấy được ý nghĩa thực tế của phép cộng và chuẩn bị cho việc học giải bài toán có lời văn.

4. Căn cứ điều kiện thực tế, GV chủ động chia tiết. Nếu HV tiếp thu tốt, lấy nhiều các tình huống thực tiễn mà HV thường gặp hằng ngày hay trong lao động sản xuất.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • Từ hình ảnh các tấm thẻ, chọn ra một tấm thẻ, nêu kết quả của phép tính ghi trên thẻ. Hoặc GV có thể cho HV bốc thăm các phép tính ngẫu nhiên, thực hiện tính tổng theo nhóm.

2. Hình thành kiến thức

BẢNG CỘNG TRONG PHẠM VI 10

1 + 1	2 + 1	3 + 1	4 + 1	5 + 1	6 + 1	7 + 1	8 + 1	9 + 1
1 + 2	2 + 2	3 + 2	4 + 2	5 + 2	6 + 2	7 + 2	8 + 2	
1 + 3	2 + 3	3 + 3	4 + 3	5 + 3	6 + 3	7 + 3		
1 + 4	2 + 4	3 + 4	4 + 4	5 + 4	6 + 4			
1 + 5	2 + 5	3 + 5	4 + 5	5 + 5				
1 + 6	2 + 6	3 + 6	4 + 6					
1 + 7	2 + 7	3 + 7						
1 + 8	2 + 8							
1 + 9								

☞ • Căn cứ Bảng cộng trong phạm vi 10 chưa hoàn thiện, còn thiếu một số kết quả phép tính (có thể các phép tính cộng có tính kết quả tăng dần theo cột), GV hướng dẫn HV chủ động hoàn thành Bảng.

• HV hoàn thành Bảng cộng (nêu được các kết quả các phép tính còn thiếu trong bảng).

Lưu ý: GV cho HV đọc kết quả phép tính theo từng cột. Có thể cho HV học thuộc các phép tính (như tính nhẩm).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính nhẩm

☞ • GV hướng dẫn HV sử dụng kết quả của Bảng cộng trong phạm vi 10 hoàn thành phép tính.

- Lần lượt mời HV đứng tại chỗ đọc kết quả làm tính ở Bài tập 1.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV trên.
- Đọc lại kết quả làm tính ở Bài tập 1 để HV đối chiếu sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

Bài 2. a) Tính

- ☞ • Mời một HV đứng tại chỗ đọc kết quả làm tính ở Bài tập 2.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV trên.
 - Đọc lại kết quả làm tính ở bài tập 2 để HV đối chiếu sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

☞ • b) Nhận xét các phép tính và kết quả trong từng cột: kết quả trên từng cột bằng nhau

☞ • GV gọi HV phát hiện các phép tính tương tự như các phép tính trên bài cho kết quả bằng nhau.

Bài 3. Nêu các phép tính cho kết quả tương ứng trong các tranh (theo mẫu)

☞ • Khi làm bài tập này, hướng dẫn HV làm từng loại câu từ trái qua phải; nên hướng dẫn viết tăng và giảm liên tục hai số hạng.

☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập và quan sát giúp đỡ HV yếu, kém.

- Yêu cầu HV nhận xét chéo bài làm của nhau.
- Kiểm tra kết quả chấm chéo bài làm của HV và sửa lại cho đúng.

4. Vận dụng

Bài 4. Nêu phép tính thích hợp:

- ☞ • Hướng dẫn HV viết các phép tính (chú ý HV yếu, kém).
- Lần lượt mời HV đứng tại chỗ đọc kết quả viết phép tính vào chỗ chấm (mỗi người đọc kết quả của một câu).
 - Nhận xét, sửa chỗ sai của từng HV.

- Yêu cầu HV nhận xét chéo bài làm của nhau.
- Kiểm tra kết quả của HV và nêu nhận xét.

Bài 5. Kể một tình huống sử dụng phép cộng trong thực tế:

- ☞ • GV khuyến khích HV kể chuyện, các tình huống liên quan tới phép cộng trong cuộc sống hằng ngày của HV, trong lao động sản xuất.
- Gọi HV có tinh thần xung phong.
- Chẳng hạn: Anh Lâm đã có 6 con bò. Anh Lâm vừa mua thêm 4 con bò nữa. Số bò hiện có của anh Lâm sẽ là 10 con. Sử dụng phép tính cộng: $6 + 4 = 10$.

Bài 6

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được ý nghĩa của phép trừ.
- Thực hiện được phép trừ các số trong phạm vi 10.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.

* Phát triển năng lực: Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Que tính; chuẩn bị một số tình huống hình thành nên khái niệm phép trừ; sử dụng phép trừ.
- GV căn cứ sự tiếp thu của HV, có thể bổ sung thêm các ví dụ ngoài TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Việc hình thành lên kiến thức, khái niệm phép trừ nên xuất phát từ việc quan sát sự vật trong thực tiễn HV từng trải qua. Qua đó, HV càng nhận biết sâu sắc hơn ý nghĩa của phép trừ.

2. Việc kể chuyện trong Bài tập 6 vừa giúp HV thấy được ý nghĩa thực tế của phép trừ vừa chuẩn bị cho HV giải bài toán có lời văn. Khi làm bài tập này không yêu cầu thực hiện phép tính.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV nói về những tính huống liên quan đến bớt đi, cho đi, hái đi, ...trong cuộc sống, rồi lấy que tính ra thực hiện.

2. Hình thành kiến thức

Phép trừ



(Bốn trừ ba bằng một) **Dấu trừ:**



$$5 - 2 = 3$$

Năm trừ hai bằng ba



$$4 - 2$$

$$5 - 1$$

(Hình ảnh này nhằm củng cố “khái niệm” phép trừ theo ý nghĩa là bớt đi, tìm kết quả phép trừ là phần còn lại).

☞ • Từ các tính huống liên quan đến bớt đi, cho đi, hái đi, ...trong cuộc sống, GV mô hình hóa bằng phép tính cụ thể từ đó hình thành lên khái niệm dấu trừ.

• GV lấy từ một tình huống cụ thể như: có 5 chấm, bớt đi 2 chấm (gạch trực tiếp đi 2 chấm đỏ); GV mô hình hóa bằng phép tính cụ thể từ đó hình thành lên khái niệm dấu trừ.

• GV dành thời gian để HV quan sát 4 quả bưởi, bớt đi 2 quả để HV tự mô hình hóa thành phép tính $4 - 2$; tương tự đối với 5 quả bưởi, bớt đi 1 quả thành phép tính $5 - 1$.

• GV tổng kết lại các phép tính đã học từ lý thuyết.

3. Luyện tập

Bài 1. Số?

☞ • Củng cố khái niệm phép trừ thông qua hình vẽ.

- Mời một HV đứng tại chỗ đọc kết quả của phép tính.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV trên (nếu có). HV thực hiện đọc kết quả bằng việc đếm số chấm còn lại.

Bài 2. Số?

- ☞ • GV hướng dẫn cách làm; dành thời gian để HV tự thực hiện các phép tính.
- GV hỗ trợ HV yếu với các phép tính cụ thể trong Bảng.

Bài 3. Tính

- ☞ • Quan sát giúp đỡ HV yếu, kém.
- Mời một HV đứng tại chỗ đọc kết quả làm tính ở Bài tập 2.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV trên.
- Đọc lại kết quả làm tính ở bài tập 2 để HV đối chiếu sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

4. Vận dụng

Bài 4. Nói về phép tính trong mỗi bức tranh

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự thảo luận nhóm
- Các nhóm thảo luận tình huống trong từng tranh vẽ để xác định phép tính trong tình huống.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của các nhóm HV.

Bài 5. Quan sát tranh và lập phép tính thích hợp:

- ☞ • Gọi ý hướng dẫn HV viết các phép tính theo tranh vẽ.
- Yêu cầu HV quan sát tranh, nêu được phép tính thích hợp (có 5 chú mèo con, 1 chú quay lại khỏi đàn. Hỏi còn lại mấy con?).
- Yêu cầu HV nhận xét chéo kết quả và viết, so sánh các phép tính của nhau.
 - Đọc kết quả viết các phép tính ở bài tập này để HV đối chiếu sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài giải của họ.

Bài 6. Kể một tình huống sử dụng phép trừ trong thực tế.

- ☞ • GV khuyến khích HV kể chuyện, các tình huống liên quan tới phép trừ trong cuộc sống hằng ngày của HV, trong lao động sản xuất.
- Gọi HV có tinh thần xung phong.
- Chẳng hạn: Chị Lan nuôi 10 con gà. Chị Lan bán đi 3 con gà. Chị Lan còn lại 7 con gà. Sử dụng phép tính trừ: $10 - 3 = 7$.

Bài 7

BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Củng cố ý nghĩa của phép trừ; Thực hiện được phép trừ, thực hiện tính nhẩm các phép tính các số trong phạm vi 10.

- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.

- Que tính; chuẩn bị một số tình huống hình thành nên khái niệm phép trừ; sử dụng phép trừ.

- Thẻ ghi số; bảng phụ ghi Bảng trừ trong phạm vi 10.

- GV căn cứ sự tiếp thu của HV, có thể bổ sung thêm các ví dụ ngoài TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Thông qua việc thành lập bảng trừ trong phạm vi 10, HV càng nhận biết sâu sắc hơn ý nghĩa của phép trừ.

2. Việc làm Bài tập 6 tiếp tục giúp HV thấy được ý nghĩa thực tế của phép trừ và chuẩn bị cho việc học giải bài toán có lời văn.

3. Căn cứ điều kiện thực tế, GV chủ động chia tiết. Nếu HV tiếp thu tốt, lấy nhiều các tình huống thực tiễn mà HV thường gặp hằng ngày hay trong lao động sản xuất.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Lấy ra một tấm thẻ, nêu kết quả của phép tính ghi trên thẻ)

☞ • Từ hình ảnh các tấm thẻ, chọn ra một tấm thẻ, nêu kết quả của phép tính ghi trên thẻ.

2. Hình thành kiến thức

BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1-1	2-1	3-1	4-1	5-1	6-1	7-1	8-1	9-1	10-1
	2-2	3-2	4-2	5-2	6-2	7-2	8-2	9-2	10-2
		3-3	4-3	5-3	6-3	7-3	8-3	9-3	10-3
			4-4	5-4	6-4	7-4	8-4	9-4	10-4
				5-5	6-5	7-5	8-5	9-5	10-5
					6-6	7-6	8-6	9-6	10-6
						7-7	8-7	9-7	10-7
							8-8	9-8	10-8
								9-9	10-9
									10-10

• GV chuẩn bị bảng phụ ghi bảng trừ trong phạm vi 10 mà chưa hoàn thiện một vài phép tính (có thể bố trí kết quả giảm dần theo cột)

- GV tổ chức theo nhóm và yêu cầu các nhóm hoàn thành bảng phụ này.
- HV hoạt động theo nhóm.
- GV nhận xét, đánh giá.

Lưu ý: GV cho HV đọc kết quả phép tính theo từng cột. Có thể cho HV học thuộc các phép tính (như tính nhẩm).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính nhẩm:

- ☞ • Mời một HV đứng tại chỗ đọc kết quả làm tính ở Bài tập 1.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV trên.
- Đọc lại kết quả làm tính ở Bài tập 1 để HV đối chiếu sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

- Quan sát và giúp đỡ HV yếu, kém.

Bài 2,3. a) Tính

- ☞ • Mời một HV đứng tại chỗ đọc kết quả làm tính ở Bài tập 2.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV trên.
- Đọc lại kết quả làm tính ở Bài tập 2 để HV đối chiếu sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.
- Quan sát giúp đỡ HV yếu, kém.

Bài 4. Số?

- ☞ • Mời HV đứng tại nêu kết quả của viết phép tính trong ô vuông (mỗi người đọc kết quả của một câu).
- Nhận xét, sửa chỗ sai của từng HV.
- Yêu cầu HV nhận xét bài làm của nhau.
- Kiểm tra kết quả của HV và nêu nhận xét.

4. Vận dụng

Bài 5. Viết phép tính thích hợp

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận nhóm.
- Các nhóm thảo luận và ghi phép tính, báo cáo sản phẩm bài làm.
- Yêu cầu HV nhận xét bài làm của nhau.
- Kiểm tra kết quả của HV và nhận xét.

Bài 6. Kể một tình huống sử dụng phép trừ trong thực tế.

- ☞ • GV khuyến khích HV kể chuyện, các tình huống liên quan tới phép cộng trong cuộc sống hằng ngày của HV, trong lao động sản xuất.
- Gọi HV có tinh thần xung phong.
- Chẳng hạn: Anh Lâm đã có 6 con bò. Anh Lâm vừa bán đi 4 con bò. Số bò hiện có của anh Lâm sẽ là 2 con. Sử dụng phép tính cộng: $6 - 4 = 2$.

Bài 8

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ, thực hiện tính nhẩm các phép tính các số trong phạm vi 10.

- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính cộng và phép tính trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

* *Phát triển năng lực*: Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.

- Que tính; chuẩn bị một số tình huống liên quan tới phép tính cộng, phép tính trừ.

- GV căn cứ sự tiếp thu của HV, có thể bổ sung thêm các ví dụ ngoài TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tăng cường khai thác, củng cố kiến thức về các phép cộng, phép trừ qua việc quan sát sự vật trong thực tiễn HV từng trải qua. Qua đó, HV càng nhận biết sâu sắc hơn ý nghĩa của phép cộng, phép trừ.

2. GV cần khai thác thêm các bài tập tham khảo (nếu HV tiếp thu tốt) nhằm tăng cường tính nhẩm, giải quyết các tình huống xung quanh.

3. Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ trong TLH và nêu phép tính thích hợp.

2. Luyện tập

Bài 1, 2. Tính

☞ • Củng cố các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

• Mời một HV đứng tại chỗ đọc kết quả phép tính trong Bài tập 1 (từ trái qua phải).

• GV mời HV nhận xét về kết quả của các phép tính.

• Hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu các phép tính cụ thể.

Bài 3. Tính

☞ • Làm quen với thực hiện phép tính có hai dấu phép tính cộng, trừ theo thứ tự từ trái sang phải.

• Mời một HV làm trên bảng kết hợp với hướng dẫn từng bước thực hiện.

• Nhận xét và sửa chữa chỗ sai của HV.

• Các câu còn lại HV làm tương tự. Bài tập này dành thời gian để HV tự luyện tập, GV hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời những khó khăn của HV.

Bài 4. Số?

☞ • Yêu cầu hai HV lần lượt đứng tại chỗ đọc kết quả làm Bài tập 4 (mỗi người đọc kết quả của một câu).

• Nhận xét và sửa chữa chỗ sai của từng HV.

• Quan sát, nhận xét liên hệ các số của phép tính theo cột dọc.

• Quan sát HV làm bài tập và giúp đỡ HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 5. Viết phép tính thích hợp

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh, thảo luận theo nhóm, sau đó mời đại diện các nhóm đứng tại chỗ đọc giải thích tranh và nêu ý nghĩa của các phép toán.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm HV trên.
- Ghi nhớ thứ tự tính toán.

Bài 6. Quan sát tranh, mô tả phép toán phù hợp

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh, thảo luận theo nhóm, sau đó mời đại diện các nhóm đứng tại chỗ đọc giải thích tranh và nêu ý nghĩa của các phép toán.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm HV trên.
- GV hướng dẫn lập phép toán tương ứng với tranh vẽ:



(Trong Bài tập 6 củng cố và mở rộng phép toán 3 số hạng xuất phát từ việc quan sát tranh vẽ.)

Bài 9

HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN, HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.

- Ghép được các hình đã biết thành một hình mới.

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các mô hình (bìa, miếng nhựa) hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khăn tay hình vuông, đĩa hình tròn, mô hình biển báo giao thông hình tam giác, khung tranh hình chữ nhật.

- Sưu tầm đồ vật thật, tranh ảnh đồ vật có các dạng hình trên.

- Bộ đồ dùng học Toán 1.

- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH và các hình vẽ, mô hình bên ngoài.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

GV có thể cho HV tự tìm kiếm trước các đồ vật có dạng hình vuông, chữ nhật, hình tròn quen thuộc; trước khi vào bài học, khởi động cho HV tự giới thiệu đồ vật, lần lượt các vật dụng hình: tròn, vuông, hình chữ nhật.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • Ngoài các vật dụng, đồ dùng HV mang, GV khẳng định hình dạng của các đồ vật. Sau đó cho HV quan sát các hình vẽ, HV tự trả lời hình dạng các hình vẽ trong TLH.

☞ • HV quan sát và nói: Đồng hồ là hình tròn, gạch hoa là hình vuông, ảnh Bác Hồ là hình chữ nhật...

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV cho HV quan sát 4 hình vẽ. Các hình ảnh gắn với khái niệm học.



☞ • GV cho HV lấy thêm các ví dụ đồ vật xung quanh, vật dụng hằng ngày để củng cố thêm lý thuyết.

• Một số HV đứng tại chỗ tự lấy ví dụ.

3. Luyện tập

Bài 1. Chỉ vào các hình tròn

☞ • HV nhận dạng các hình tròn trong hình vẽ. Nếu có các vật thật, không là hình vẽ thì càng tốt.

-*Lưu ý:*

+ HV bằng trực quan nhận biết hình (chưa yêu cầu giải thích tại sao hoặc nêu quá kỹ về đặc điểm mỗi hình).

+ Chưa yêu cầu đếm các hình phức tạp, ở bài này chủ yếu đếm hình để củng cố nhận biết hình (phần luyện tập về sau sẽ có bài đếm phức tạp hơn).

Bài 2, 3, 4. Chỉ vào các hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật

☞ • HV nhận dạng các hình vuông trong hình vẽ. Nếu có các vật thật, không là hình vẽ thì càng tốt.

-*Lưu ý:*

+ HV bằng trực quan nhận biết hình (chưa yêu cầu giải thích tại sao hoặc nêu quá kỹ về đặc điểm mỗi hình).

+ Chưa yêu cầu đếm các hình phức tạp, ở bài này chủ yếu đếm hình để củng cố nhận biết hình (phần luyện tập về sau sẽ có bài đếm phức tạp hơn).

4. Vận dụng

Bài 5. Hãy nói về hình dạng của những biển báo giao thông sau:

☞ • GV ngoài việc hỏi HV hình dạng của biển báo; có thể hỏi thêm ý nghĩa của một hay vài biển báo đó.

• Ngoài các biển báo trong TLH, GV có thể khai thác thêm các hình dạng khác, thông qua đó giáo dục hình thành thêm các phẩm chất khác của HV như: câu chuyện bánh chưng, bánh dày; cờ tổ quốc...

Bài 6. Kể tên những đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong thực tế

☞ • GV có thể giao cho HV kể tên theo từng nhóm nhỏ; hoặc giao về nhà kể tên những đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong nhà mình.

Bài 10

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 20

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 20.
- Bước đầu thấy được sự “khái quát hoá” trong việc hình thành các số trong phạm vi 20 (tính trực quan).

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Que tính (có thể sử dụng que tính trong bộ đồ dùng học Toán lớp 1).
- Phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý cách đọc số 15: số 15 đọc là “mười lăm”, không đọc “mười năm”.
2. Nhấn mạnh những số trên gồm 1 chục và các đơn vị.
3. Căn cứ điều kiện thực tế, sự tiếp thu của HV biên soạn bài dạy phù hợp.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

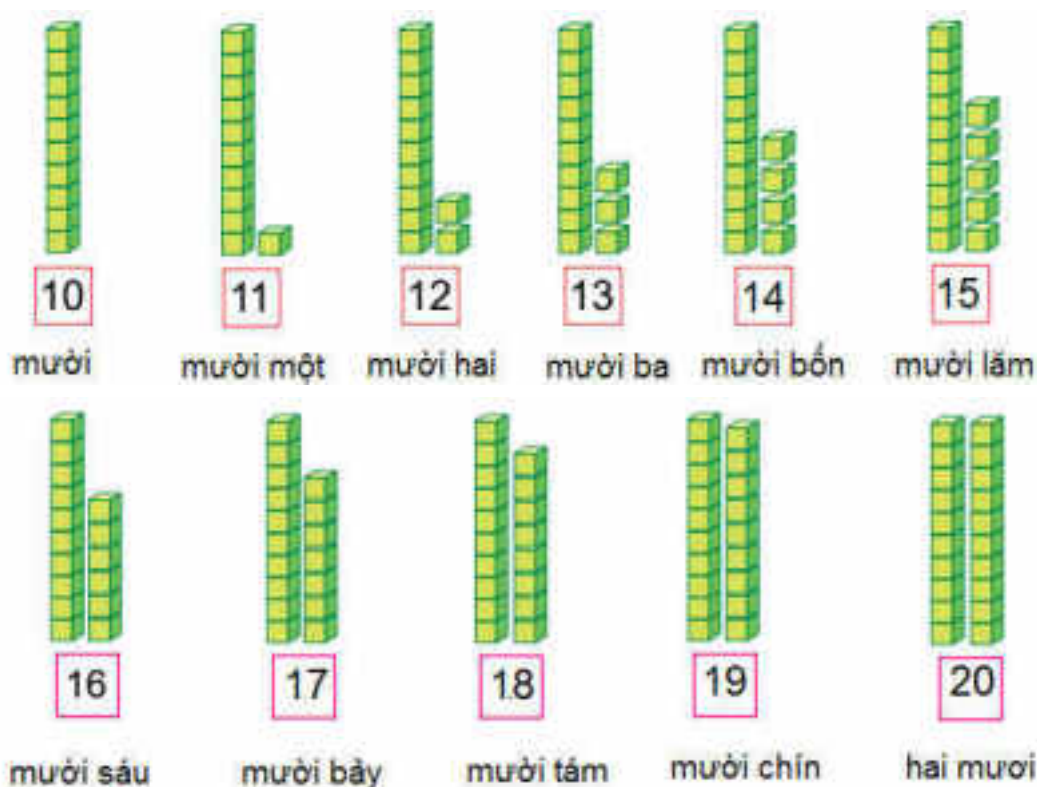
1. Khởi động

☞ • Qua hình các khay trái cây giúp HV hình thành khái niệm (10 là 1 chục), từ đó hình thành các số 11,..., 20. Chẳng hạn: 1 chục và 1 đơn vị là 11, đọc là mười một,...; 1 chục và 5 đơn vị là 15, đọc là mười lăm,...

(Bước đầu nhận biết các số từ 11 đến 20, hình thành từ “đếm” số trái cây trên khay, hoặc hình thành từ cấu tạo số theo hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số.)

Lưu ý: Có thể dùng thẻ 1 chục que tính và que tính lẻ thay túi quả để dạy bài này.

2. Hình thành kiến thức



(Củng cố phần “hình thành kiến thức”, HV quan sát tranh vẽ, tự đếm rồi viết được các số theo số chục (số cột đầu) và số đơn vị (các viên lẻ). Chẳng hạn: 12; 13, 14; ... 20 (2 chục).)

Lưu ý: Mỗi cột đầu quy định là 1 chục.

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh vẽ, thảo luận theo nhóm, sau đó mời nhóm nào phát hiện cách đếm nhanh (không đếm cột đầu)

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm HV trên.
- Ghi nhớ thứ tự từ trái qua phải.
- Khuyến khích nhớ bằng hình ảnh

3. Luyện tập

Bài 1. Số?

(HV thấy được ý nghĩa của một túi (1 chục) và đếm rồi ghép số quả còn lại)

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh vẽ trong TLH, phát hiện và ghi đúng số.

- Hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

Bài 2. Đếm rồi đọc số thích hợp

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh vẽ trong TLH, phát hiện và đọc đúng số.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm HV trên.

Bài 3. Đếm và viết số thích hợp

(HV nắm được thứ tự số và tìm được số thích hợp. (Bài này củng cố đọc, viết số trong phạm vi 20 và viết số theo thứ tự liên tiếp tăng dần, giảm dần).)

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh vẽ trong TLH, phát hiện và ghi các số.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm HV trên.

4. Vận dụng

Bài 4. Mỗi loại hoa có bao nhiêu bông hoa?

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh vẽ, thảo luận theo nhóm, sau đó mời nhóm nào phát hiện số bông hoa.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm HV trên.

Bài 5. Có bao nhiêu cây bắp cải? có bao nhiêu cây su hào?

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh vẽ, thảo luận theo nhóm, sau đó mời nhóm nào phát hiện số cây bắp cải, số cây su hào.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm HV trên.

Bài 11

CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ TỪ 21 ĐẾN 99

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết được các số từ 21 đến 99.
- Nhận biết số lượng từ 21 đến 99.
- Thực hành vận dụng, giải quyết các tình huống trong thực tế.
- Bước đầu thấy được sự “khái quát hoá” trong việc hình thành các có hai chữ số trong phạm vi 100.

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Que tính (sử dụng que tính trong bộ đồ dùng học Toán lớp 1).
- Phiếu học tập.
- Bản phụ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

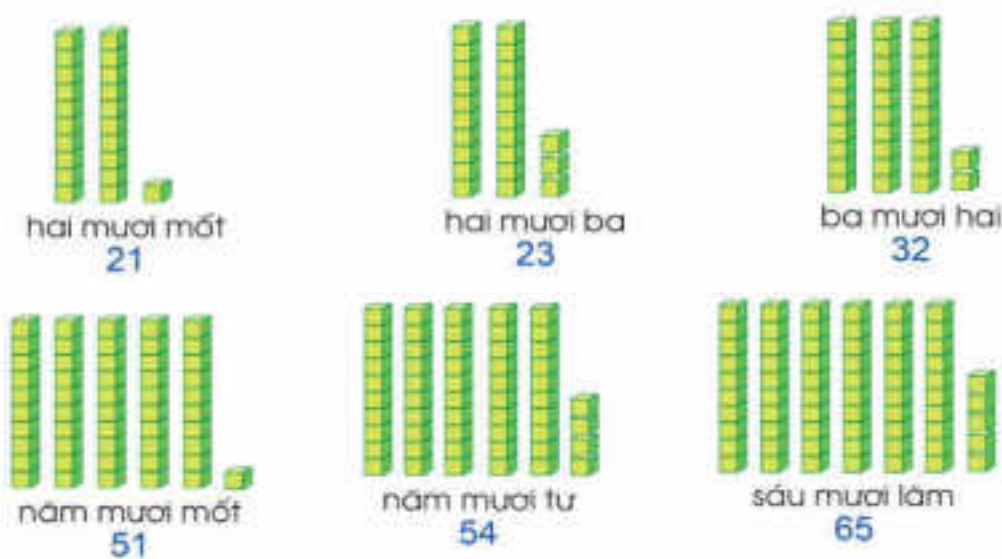
1. Lưu ý HV cách đọc các số dạng: 21, 34, 75.
2. Có thể hỗ trợ HV nêu những số đứng sau số dạng: 39, 49, ... 89 khi nhận biết thứ tự các số.
3. Từ bài này HV biết đọc, viết số có hai chữ số dựa vào cấu tạo thập phân của số theo hàng chục và hàng đơn vị (không cần đếm số lượng đồ vật như ở giai đoạn 10 số đầu).
4. Có thể dùng thẻ 1 chục que tính và que tính lẻ trong hộp đồ dùng học tập để học bài này (thay hình ảnh quả).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV yêu cầu HV quan sát bức tranh, số lượng các con chim sau khi đếm nhiều hơn số có hai chữ số đã học. Từ tình huống đó cần thiết phải phát triển thêm số có hai chữ số để giải quyết các tình huống thực tiễn.

2. Hình thành kiến thức



(HV nhận biết được số có hai chữ số theo số chục và số đơn vị, từ đó đọc, viết được số có hai chữ số. (Từ hình ảnh vẽ số cột, mỗi cột là 1 chục quả và số quả lẻ))

☞ • Hướng dẫn chung cả lớp: GV gắn mô hình gồm 2 bó một chục và 1 que tính vào cột *mô hình* ở bảng phụ. Yêu cầu HV nêu các số cần điền vào cột *chục* (2), cột *đơn vị* (1); GV viết lên bảng.

• Yêu cầu HV quan sát các hình vẽ tiếp theo trên bảng phụ và điền tiếp vào chỗ chấm.

Tương tự GV hướng dẫn HV điền tiếp số 23, 32, 51, 54, 65. Gọi HV nêu cách đọc các số.

• Quan sát HV làm bài và hỗ trợ khi cần thiết.

3. Luyện tập

Bài 1. Viết số và chữ số tương ứng?

• Yêu cầu HV quan sát cách hình vẽ và viết số và chữ số tương ứng với mỗi hình.

- Quan sát HV làm bài và hỗ trợ khi cần thiết
- Viết lên bảng một số số có hai chữ số, chẳng hạn: 46, 52, Yêu cầu HV đọc từng số (Lưu ý cách đọc các số dạng 31, 45, 74)

Bài 2. Thực hiện (theo mẫu):

Làm bài tập trên phiếu học tập.

- ☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.
- Cho HV chấm chéo bài làm của nhau.
- Viết kết quả làm bài tập lên bảng để HV dựa vào đó sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

Bài 3. Số?

☞ • Cho HV đứng tại chỗ nêu các số từ 21 đến 99 (GV viết bảng: 21, 32, 33, ...99) hoặc có thể lựa chọn làm đến hết dòng số 4 hay 5, 6.

- Yêu cầu HV đọc lại từng số theo thứ tự trên.

(Nêu thứ tự các số trong từng “đoạn số”.)

☞ • Yêu cầu HV viết những “đoạn số”, chẳng hạn:

- + Các số từ 21 đến 30;
- + Các số từ 31 đến 40;
- + Các số từ 51 đến 60; ...

• (Có thể lần lượt mời HV lên bảng viết từng “đoạn số”, các HV khác viết vào vở học).

- Quan sát HV làm bài và hỗ trợ khi cần thiết
- Nhận xét bài làm của HV trên bảng, sửa chỗ sai (nếu có). Yêu cầu cả lớp đọc lại từng số trong “đoạn số” đã viết.

4. Vận dụng

Bài 4. a) Có tất cả bao nhiêu chiếc chìa khóa?

b) Có tất cả bao nhiêu chiếc khăn?

- ☞ • GV dành thời gian để HV đếm số chiếc chìa khóa, số chiếc khăn.
- Quan sát HV làm bài và hỗ trợ khi cần thiết.

- GV mời 02 HV đọc kết quả tìm được.
- GV nhận xét kết quả tìm được của HV.
- ✂ ● Có tất cả 95 chiếc chìa khóa.
- ✂ ● Có tất cả 47 chiếc khăn.

Bài 5. Số?

- ☞ ● GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và đếm sao.
 - GV mời HV đứng tại chỗ nêu kết quả tìm được.
- ✂ ● Có tất cả 95 ngôi sao.

Bài 12

CHỤC VÀ ĐƠN VỊ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
- Biết đọc, viết các số tròn chục.
- Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng một số tình huống trong thực tiễn.

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Que tính (có thể sử dụng que tính trong bộ đồ dùng học Toán lớp 1).
- 10 khối lập phương, 10 que tính, 10 hình tròn.
- Phiếu học tập.
- Bản phụ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý cách đọc số 15: số 15 đọc là “mười lăm”, không đọc “mười năm”.
2. Nhấn mạnh những số trên gồm 1 chục và các đơn vị.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

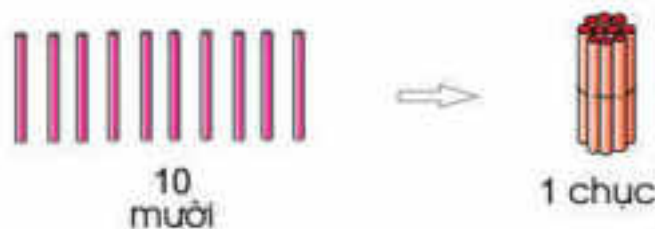
(Gộp 10 que tính thành 1 bó)

Qua hình ảnh “gộp” 10 que tính thành một bó có 10 que, HV nhận biết được các số tròn chục (1 chục là 10, 2 chục là 20,..., 9 chục là 90); biết đọc, viết các số tròn chục.)

Lưu ý: Có thể dùng các vật thật khác thay thế các que tính.

1. Hình thành kiến thức

1) Một chục



☞ • Hướng dẫn HV viết và đọc các số tròn chục (theo mẫu), (sử dụng bảng đã chuẩn bị) như sau :

* Yêu cầu HV quan sát hình vẽ 10 que tính được bó thành bó có 1 chục que tính và trả lời các câu hỏi:

- Hãy cho biết một bó que tính ở hình vẽ có bao nhiêu que tính?

(Một bó que tính ở hình vẽ có mười que tính).

-Mười còn gọi là gì?

(Mười còn gọi là một chục).

* Kết luận: - Ta viết số 10 vào cột “số”, viết từ “mười” và “một chục” vào cột đọc số như trong TLH.

2) Các số tròn chục :



Các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 là các số tròn chục

☞ • Hướng dẫn HV quan sát và giải thích mỗi cột là 1 chục, từ đó đếm số cột và đọc các số tròn chục (theo mẫu), (sử dụng bảng đã chuẩn bị) như sau:

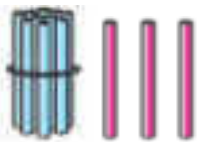
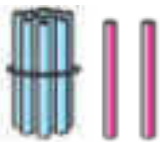
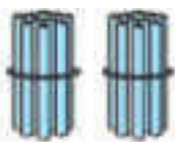
* Yêu cầu HV quan sát hình vẽ các ở Mục 2 và trả lời các câu hỏi sau:

- Hãy cho biết hai cột tương ứng số bao nhiêu? (tương ứng với hai chục, viết là 20)

.....

• GV giải thích tương tự.

3) Chục và đơn vị

	Viết số	Chục	Đơn vị	
	13	1	3	Số 13 gồm 1 chục 3 đơn vị
	12	1	2	Số 12 gồm 1 chục 2 đơn vị
	16	1	6	Số 16 gồm 1 chục 6 đơn vị
	20	2	0	Số 20 gồm 2 chục 0 đơn vị

(Một bó chục que tính và ba que tính rời. Hỏi có mấy que tính?)

☞ • Hướng dẫn HV lấy 1 bó chục que tính và 3 que tính rời, sau đó đếm xem có bao nhiêu que tính.

- Mời một HV đứng tại chỗ trả lời.
- Nhận xét và sửa chỗ sai cho HV.
- Kết luận:

* Có 1 chục que tính và 3 que tính rời, ta có tất cả 13 que tính.

* Ta viết số 13 và đọc là “mười ba”.

* Tương tự ta có các số: 12, 16, 20 (vừa nói vừa chỉ nhanh các số trên lên bảng phụ).

3. Luyện tập

Bài 1. Đếm và viết số?

- ☞ • Mời vài HV đứng tại chỗ đọc kết quả sau khi quan sát tranh
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV (có thể mời vài HV đứng tại chỗ sửa chỗ đọc sai của bạn).

Bài 2. a) Viết (theo mẫu gợi ý):

- ☞ • Làm bài tập trên phiếu học tập.
- Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.
- Cho HV nhận xét chéo bài làm của nhau.
- Viết kết quả làm bài tập lên bảng để HV dựa vào đó sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

b) Số ?

- ☞ • HV nắm được thứ tự số và tìm được số thích hợp. (Bài này củng cố đọc, viết số trong phạm vi 20 và viết số theo thứ tự liên tiếp tăng dần).

10		30				70		90
----	--	----	--	--	--	----	--	----

- Mời vài HV đứng tại chỗ đọc số ghi trong ô (theo mẫu vẽ trên bảng).
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV (có thể mời vài HV đứng tại chỗ sửa chỗ đọc sai của bạn).

Bài 3. Thực hiện theo mẫu:

- ☞ • Làm bài tập trên phiếu học tập.
- Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.
- Cho HV nhận xét chéo bài làm của nhau.
- Viết kết quả làm bài tập lên bảng để HV dựa vào đó sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

Bài 4. Số?

- ☞ ● Mời vài HV đứng tại chỗ đọc kết quả (sáu chục que tính, tám chục cái bát)
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV (có thể mời vài HV đứng tại chỗ sửa chỗ đọc sai của bạn).

4. Vận dụng

Bài 5. Có bao nhiêu hạt hạnh nhân? Bao nhiêu chục hạt hạnh nhân?

- ☞ ● HV hiểu mỗi túi là 1 chục hạt hạnh nhân, 10 túi hạt hạnh nhân. Từ đó HV đếm số túi ở mỗi hàng rồi nêu số tương ứng (theo mẫu).

Bài 5a: Có 100 hạt hạnh nhân; Có 10 túi hạt hạnh nhân.

Bài 5b: Có 40 hũ mật ong; Có 4 chục hũ mật ong.

Bài 13

BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 100.
- Đếm, đọc, viết được các số từ 51 đến 100.
- Lập được bảng các số từ 1 đến 100.
- Bước đầu thấy được sự “khái quát hoá” trong việc hình thành các số có hai chữ số trong phạm vi 100.

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1, trong đó có các thẻ 1 chục que tính và que tính lẻ để hình thành số 100 (thay các túi quả như SGK).
- Bảng các số từ 1 đến 100.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nhận biết được số 100 (99 thêm 1 là 100, $100 = 10$ chục); đọc, viết được số 100.
2. Biết lập bảng các số từ 1 đến 100.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Có bao nhiêu que tính:)

☞ • HV quan sát có 9 bó que tính, mỗi bó 10 que và 9 que lẻ, tất cả có 99 que tính. Cho thêm 1 que vào 9 que lẻ, có “99 thêm 1 là 100”. Biết 100 gồm 10 chục. Cho HV đọc, viết số 100.

2. Hình thành kiến thức



10 chục que tính

100 que tính

100 đọc là Một trăm

100 = 10 chục

- ☞ • Từ việc khởi động trên, GV chốt kiến thức trên bảng.

3. Luyện tập

Bài 1. a) Ghi các số còn thiếu để được bảng các số từ 1 đến 100

- ☞ • Yêu cầu cả lớp làm bài tập theo nhóm (giấy khổ A3, A4 càng tốt).

- Mời các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.
- Các nhóm nhận xét và sửa chỗ sai trong kết quả làm bài tập của nhóm khác.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả (đã sửa) trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài giải của họ.

b) Tìm và đọc các số tròn chục, các số có số chục và số đơn vị giống nhau; các số có 5 đơn vị.

- ☞ • Yêu cầu HV quan sát trên bảng sau khi đã hoàn chỉnh.

- Mời học sinh đứng tại chỗ trả lời (chú ý các số chục theo hàng, số đơn vị theo cột)

c) Quan sát Bảng các số từ 1 đến 100 viết số thích hợp vào ô trống:

- ☞ • Yêu cầu HV quan sát trên bảng phụ kết hợp làm vào TLH.

- Mời học sinh đứng tại chỗ trả lời, các HV khác theo dõi và nhận xét.

Bài 2. Số?

- ☞ • Yêu cầu HV quan sát trên bảng phụ kết hợp làm vào TLH.

- Mời học sinh đứng tại chỗ trả lời, các HV khác theo dõi và nhận xét.

Chẳng hạn: a) xác định được số 41 (chục ghi 4, đơn vị ghi 1)

Bài 3. a) Thực hiện theo mẫu :

- ☞ • Yêu cầu cả lớp làm bài tập trên vào TLH.
- Chú ý hỗ trợ HV yếu, kém.
- Nhận xét và sửa chỗ sai trong kết quả làm bài tập của hai HV trên.

Chẳng hạn: Số 19 gồm 1 chục và 9 đơn vị.

b) Số?

- ☞ • Yêu cầu cả lớp làm bài tập trên vào vở ghi.
- Chú ý hỗ trợ HV yếu, kém.
- Nhận xét và sửa chỗ sai trong kết quả làm bài tập của hai HV trên

Bài 4. Số?

- ☞ • Yêu cầu cả lớp làm bài tập hợp tác ghép đôi.
- Mời các cặp trình bày sản phẩm của nhóm mình.
- Các bạn nhận xét và sửa chỗ sai trong kết quả làm bài tập của nhóm khác.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả (đã sửa) trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài giải của họ.

Bài 5. Số?

- ☞ • Yêu cầu HV quan sát tranh vẽ, đếm thứ tự liên tiếp từ 30 đến 40; đếm các số lẻ từ 51 đến 70; và đếm các số chẵn từ 80 đến trước số 100.
- HV đọc kết quả, giải thích cách làm.
- Các bạn nhận xét và sửa chỗ sai trong kết quả làm bài tập của bạn.

4. Vận dụng

Bài 6. Viết số thích hợp dưới đây:

- ☞ • Yêu cầu HV quan sát tranh vẽ, đếm số hạt trong chuỗi vòng, số quả táo (thảo luận theo nhóm)

• Mời các nhóm nêu kết quả. GV yêu cầu các nhóm HV nêu cách tìm ra đáp án.

☞ a) Chuỗi vòng có tất cả 100 hạt.

b) Có tất cả 100 quả táo.

Bài 14

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).

- Thực hành vận dụng so sánh số có hai chữ số trong tình huống thực tiễn.

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.

- Bảng các số từ 1 đến 100.

- Bảng phụ, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

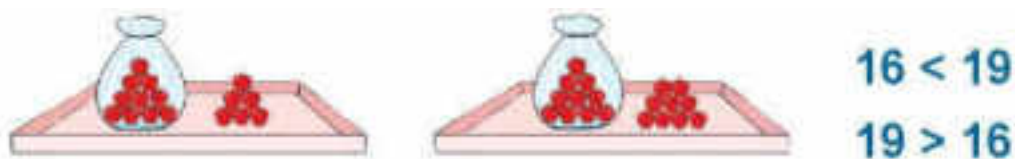
Trong bài này, HV so sánh các số có hai chữ số chủ yếu dựa vào thao tác trên đồ dùng trực quan để nhận biết. Tuy chưa yêu cầu HV nêu quy tắc khái quát về so sánh số có hai chữ số, nhưng cũng cần tập cho HV nhận thấy là khi so sánh số, ta so sánh từng hàng với nhau kể từ trái sang phải. .

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

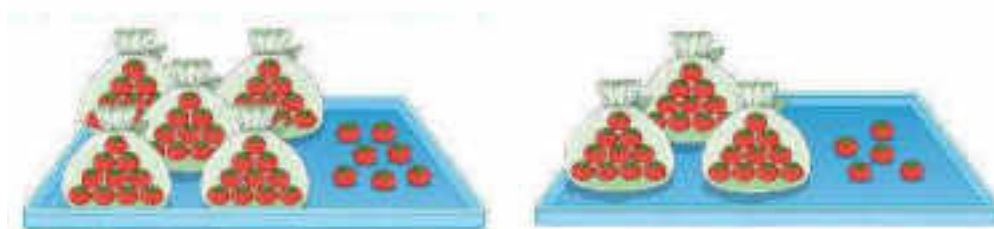
1. Khởi động

☞ • Quan sát tranh vẽ hướng dẫn HV sử dụng các thuật ngữ «nhiều hơn», «ít hơn» để nói về số quả cà chua 02 khay.

2. Hình thành kiến thức



☞ • HV đếm số quả cà chua, nhận biết 16 quả ít hơn 19 quả, viết là $16 < 19$.
Từ đó có thể nhận xét: 16 và 19 cùng có 1 chục, 6 đơn vị < 9 đơn vị, vậy $16 < 19$.



$$57 > 35 \text{ hay } 35 < 57$$

• Tương tự, HV đếm số quả cà chua, nhận biết 57 quả nhiều hơn 35 quả, $57 > 35$. Từ đó có thể nhận xét: 57 có 5 chục, 35 có 3 chục, 5 chục > 3 chục, vậy $57 > 35$.

Lưu ý: $16 < 19$ thì có $19 > 16$, $57 > 35$ thì có $35 < 57$.

3. Luyện tập

Bài 1. So sánh (theo mẫu): (Bài tập tiếp tục củng cố lí thuyết so sánh)

- ☞ • Yêu cầu HV quan sát hình vẽ TLH.
- Mời một HV lên điền dấu thích hợp ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm trên bảng phụ 1 hoặc đọc trên máy chiếu.
- Nhận xét, sửa chỗ sai của HV rồi kết luận: trong hai số có hai chữ số có số chục bằng nhau, số nào có số đơn vị lớn hơn là số lớn hơn; số nào có số đơn vị bé hơn là số bé hơn.

Bài 2. Lọ nào có ghi số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 3 lọ?

- ☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.
- GV dành thời gian để các nhóm thảo luận.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- GV nhận xét, góp ý bài làm các nhóm.

Bài 3.

- ☞ • HV hoạt động cá nhân, làm trực tiếp vào vở ghi.
- GV dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.
- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV (nếu cần).
- Yêu cầu cả lớp dựa vào kết quả bài làm trên bảng (đã sửa) để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của mình (trong TLH).

4. Vận dụng

Bài 4. Xe nào có số thứ tự lớn nhất, số thứ tự nhỏ nhất?

- ☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.
- GV dành thời gian để các nhóm thảo luận.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- GV nhận xét, góp ý bài làm các nhóm.

Bài 5. Số ghi trên hộp thư nhà chị Mai là một số lớn hơn 68 và nhỏ hơn 70. Số ghi trên hộp thư nhà chị Mai là:

- ☞ • HV thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm nêu kết quả tìm được.
- GV nhận xét các nhóm.
- ✗ Số ghi trên hộp thư nhà chị Mai là một số lớn hơn 68 và nhỏ hơn 70
- ✗ Số ghi trên hộp thư nhà chị Mai là: 69.

Bài 15

KHỐI HỘP CHỮ NHẬT, KHỐI LẬP PHƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
- Nhận biết được các đồ vật trong thực tế có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật
- * *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Mô hình khối lập phương, khối hộp chữ nhật (bằng bìa, nhựa...).
- Sưu tầm những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
- Các khối lập phương nhỏ để xếp, ghép hình.
- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Khuyến khích ứng dụng, sử dụng phần mềm mô phỏng hình, khối.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Các khối lập phương, khối hộp chữ nhật HV đã được quan sát, tiếp xúc nhiều trong thực tế. Bài học này cơ bản thống nhất được khái niệm toán học đồng nhất với quan sát của HV.
2. Không nên phân biệt khối lập phương cũng là khối hộp chữ nhật, vì đây là hình học trực quan, không đi sâu vào nhận biết về kích thước.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

Nói về hình dạng của những đồ vật sau:

☞ • Thông qua đồ vật thật (hộp quà, xúc xắc) và hình vẽ trong TLH GV cho HV quan sát giới thiệu biểu tượng khối lập phương, khối hộp chữ nhật (có mô hình minh họa, nhận dạng tổng thể);

• GV cần khai thác thêm nhiều đồ vật trong thực tiễn gắn với cuộc sống gia đình HV nhiều hơn.

2. Hình thành kiến thức

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh và liên hệ với các đồ vật thật trong gia đình.

• GV có thể chuẩn bị thêm các đồ vật thật (khối gỗ, hộp bút, khối ru-bí ch, hộp bánh) hay hình ảnh khối lập phương, khối hộp chữ nhật rồi nêu tên đồ vật với khối thích hợp.

• Mỗi em có thể nêu tên đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật mà các em biết trong thực tế quanh ta hoặc trong lớp học.

3. Luyện tập

Bài 1. Đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật? Đồ vật nào có dạng khối lập phương? (Bài tập củng cố nhận dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương.)

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh và trả lời câu hỏi

• HV quan sát tranh vẽ, nghiên cứu, phát hiện khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

• GV nhận xét, chữa bài làm của HV.

Bài 2. Số? (Bài tập nhận dạng, đếm và phân biệt số khối hộp chữ nhật, khối lập phương.)

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát tranh và trả lời câu hỏi

• HV quan sát tranh vẽ, nghiên cứu, phát hiện và đếm số khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

• GV nhận xét, chữa bài làm của HV.

Lưu ý: Nếu có các khối đồ vật thật sẽ hiệu quả hơn.

4. Vận dụng

Bài 3. Kể tên những đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương trong thực tế

☞ • GV tổ chức hoạt động nhóm

- HV thảo luận, liệt kê ra phiếu học tập; đại diện các nhóm lên trình bày sản phẩm.

- GV để nhóm còn lại đếm số lượng, liệt kê chéo. Nhóm còn lại tuyên dương HV liệt kê đúng, nhiều nhất.

Bài 4. Sử dụng các vỏ hộp để lắp ghép, tạo hình

☞ • GV chuẩn bị trước một hình khối được lắp ghép; có thể giới thiệu thêm một số tranh vẽ.

- Qua đó gợi ý các đồ vật đã qua sử dụng, vật bỏ đi có thể tạo ra các vật có ích.

- Qua đó giáo dục bảo vệ môi trường.

Bài 16

PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 20

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:

- Biết cách tính kết quả của phép cộng không nhớ trong phạm vi 20.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gần gũi với thực tế.

* *Phát triển năng lực*: Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1
- Một số Bảng phụ
- Một số tình huống đơn giản có phép cộng trong phạm vi 20.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Việc làm bài tập 7 vừa giúp HV thấy được ý nghĩa thực tế của phép cộng vừa chuẩn bị cho HV giải bài toán có lời văn. Khi làm bài tập này không cần thiết yêu cầu HV thực hiện phép tính.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Trên kệ đỡ có bao nhiêu cây hoa? Nếu ta mua thêm 04 cây nữa thì ta có tất cả bao nhiêu chậu hoa?)

- ☞ • HV có thể nêu phép tính và sử dụng que tính để tính toán, đếm.

2. Hình thành kiến thức



☞ • Hướng dẫn HV quan sát và đếm số chấm đỏ và số chấm xanh trên hình để tính $15 + 4$. (sử dụng hình vẽ 1 treo trên bảng).

- Nhận xét và sửa chỗ sai của các HV trên và kết luận $15 + 4 = 19$.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính (củng cố lý thuyết về phép tính cộng trong phạm vi 20)

☞ • Có thể hướng dẫn chung cả lớp: Quan sát hình vẽ 1, điền kết quả phép tính: $15 + 1 = 16$;

- Lần lượt mời hai HV lên bảng điền số thích hợp vào chỗ ô trống.
- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV trên bảng.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và đọc lại

Chú ý: Có thể nhắc lại cho HV cách khác để tìm kết quả phép tính (không cần dựa vào hình vẽ, đồ dùng trực quan).

Bài 2. Tính:

☞ • Có thể hướng dẫn chung cả lớp: Quan sát các phép tính, điền kết quả phép tính: (*lưu ý các phép tính theo cột*)

- Lần lượt mời hai HV lên bảng điền số thích hợp vào chỗ chấm.
- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV trên bảng.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và đọc lại

Bài 3. Tính nhẩm:

☞ • Có thể hướng dẫn chung cả lớp: Quan sát các phép tính, điền kết quả phép tính: (*lưu ý các số hạng của phép tính theo cột*)

- Lần lượt mời HV lên bảng tính kết quả.
- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV trên bảng.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và đọc lại

Bài 4. Số ?

☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.

- Quan sát quan sát các nhóm làm bài.
- Mời các nhóm đưa sản phẩm và nhận xét chéo.
- Nhận xét và sửa chỗ sai trong bài giải của HV trên.

Bài 5. Tính

- ☞ • GV gợi ý cả lớp cách làm: Quan sát các phép tính, kết quả các phép tính.
- HV đứng tại chỗ trả lời.
- HV khác nhận xét và sửa chỗ sai (nếu có);
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng.

4. Vận dụng

Bài 6. Xem tranh viết phép tính thích hợp?

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.
- Quan sát quan sát các nhóm làm bài.
- Mời các nhóm nêu kết quả sản phẩm và tự nhận xét chéo.
- Nhận xét và sửa chỗ sai trong bài giải của các nhóm HV.

Bài 7. Kể một tình huống sử dụng phép cộng trong thực tế.

- ☞ • GV gợi ý HV căn cứ vào các hoạt động lao động sản xuất; hay tiêu dùng dẫn đến tình huống phép cộng.
- HV đứng tại chỗ trả lời.
- HV khác nhận xét và sửa chỗ sai (nếu có).

Bài 17

PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 20

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 20.
- Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1.
- Một số Bảng phụ.
- Một số tình huống đơn giản có phép trừ trong phạm vi 20.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Việc làm Bài tập 7 vừa giúp HV thấy được ý nghĩa thực tế của phép cộng vừa chuẩn bị cho HV giải bài toán có lời văn. Khi làm bài tập này không cần thiết yêu cầu HV thực hiện phép tính.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(GV khởi động bằng một tình huống cụ thể về số quả bóng còn lại rồi gợi ý HV lấy que tính ra thực hiện. Hoặc có thể hỏi HV sĩ số lớp hiện nay (nếu lớp dưới 20 HV) và một bạn xin ra ngoài thì lớp ta còn bao nhiêu bạn trong lớp).

2. Hình thành kiến thức



$$17 - 2 = 15$$

☞ • Hướng dẫn HV quan sát và đếm số chấm đỏ (trên bảng phụ khi chưa gạch 02 chấm), sau đó GV sử dụng bút gạch 02 chấm đỏ.

- Gọi HV đứng tại chỗ trả lời.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của các HV trên và kết luận $17 - 2 = 15$.

3. Luyện tập

Bài 1. Viết phép tính phù hợp (củng cố lý thuyết về phép trừ trong phạm vi 20)

☞ • Có thể hướng dẫn chung cả lớp: Quan sát hình vẽ, lập phép tính (*không nhất thiết tính kết quả*);

- Lần lượt mời hai HV lên bảng lập phép tính theo gợi ý;
- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV trên bảng.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và đọc lại

Bài 2. Tính:

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài tập.
- Lần lượt mời các HV lên bảng viết phép tính và tính kết quả.
 - Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV trên bảng.
 - Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và đọc lại

Bài 3. Tính nhẩm

☞ • Có thể hướng dẫn chung cả lớp: Quan sát các phép tính, điền kết quả phép tính: (*lưu ý các phép tính theo cột*)

- Lần lượt mời hai HV lên bảng điền số thích hợp vào chỗ chấm.
- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV trên bảng.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và đọc lại.

Bài 4. Xem tranh viết phép tính thích hợp?

☞ • GV tổ chức theo nhóm.

- Quan sát các nhóm thảo luận.
- Mời các nhóm nêu sản phẩm và nhận xét chéo.
- Nhận xét và sửa chỗ sai trong bài giải của HV trên.

Bài 5. Tính (Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ)

☞ • Có thể hướng dẫn cách làm chung cả lớp: Hướng dẫn HV thực hiện các phép tính từ trái sang phải và dành thời gian để HV tự làm.

- Lần lượt mời HV làm trên bảng.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và chốt kết quả.

4. Vận dụng

Bài 6. Nhà chị Thơm nuôi 14 con gà, chị Thơm đã bán đi 4 con. Hỏi nhà chị Thơm còn lại bao nhiêu con gà

☞ • Có thể hướng dẫn cách làm chung cả lớp: Quan sát kết quả để dự đoán phép tính.

- Mời các HV điền các số, phép tính thích hợp vào ô trống.
- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả điền trên bảng để sửa chỗ điền sai của họ và chốt kết quả

Bài 7. Kể một tình huống sử dụng phép trừ trong thực tế.

☞ • GV gợi ý HV căn cứ vào các hoạt động lao động sản xuất; hay tiêu dùng dẫn đến tình huống phép trừ.

- HV đứng tại chỗ trả lời.
- HV khác nhận xét và sửa chỗ sai (nếu có).

Bài 18

ĐO ĐỘ DÀI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được về “dài hơn”, “ngắn hơn”.
 - Nhận biết được đơn vị đo độ dài: cm (xăng-ti-mét); đọc và viết được số đo độ dài trong phạm vi 100cm.
 - Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...).
 - Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm.
 - Thực hành đo độ dài lớp học, bàn học, bảng viết...
 - Vận dụng giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài.
- * Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (có một số vật để so sánh độ dài như que tính, bút chì, bút mực, bút lông...).
- Một số vật thật cần thiết để so sánh độ dài (như trong TLH) hoặc có trong thực tế phù hợp với điều kiện từng trường, trung tâm.
- Thước thẳng chia độ dài, thước mét...

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV đã biết và làm quen với đơn vị đo xăng-ti-mét trong đời sống hàng ngày. GV cần củng cố lại khái niệm một cách chính xác thông qua việc đo độ dài đoạn thẳng trên hình vẽ có thước đo hoặc bảng lưới kẻ ô vuông.

2. Khái niệm xăng-ti-mét cũng đã quen thuộc đối với HV, GV chỉ giúp HV chính xác hóa lại.

3. HV mới chỉ làm quen với số đo của các đoạn thẳng là số nguyên lần xăng-ti-mét nên GV cần lựa chọn các đoạn thẳng có độ dài là số nguyên lần xăng-ti-mét để HV đo. Khi thực hành có thể bỏ qua sai số, lấy giá trị gần đúng.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Sử dụng các thuật ngữ “**dài hơn**”, “**ngắn hơn**” để nói về những chiếc bút trong TLH.)

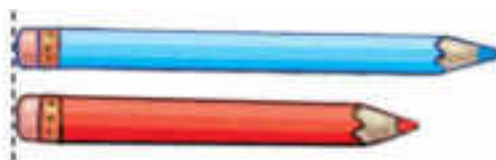
☞ • Trước tiên GV cho HV quan sát 03 chiếc bút và mời HV sử dụng các thuật ngữ “dài hơn”, “ngắn hơn” để nói về các chiếc bút này.

• Tiếp tục sử dụng thuật ngữ “dài hơn”, “ngắn hơn” để nói về các đồ vật khác phù hợp với không gian lớp học.

• GV đặt thêm vấn đề các anh/ chị đã thực hiện đo độ dài bằng các cách thức nào?

2. Hình thành kiến thức

1) Dài hơn, ngắn hơn



Bút chì xanh **dài hơn** bút chì đỏ.

Bút chì đỏ **ngắn hơn** bút chì xanh.

☞ • Dành thời gian cho cả lớp quan sát vị trí đặt bút.

• HV quan sát hình vẽ có bút chì xanh, bút chì đỏ. Các đầu bút đó đặt thẳng vạch dọc bên trái. HV nhận biết được bút chì xanh dài hơn bút chì đỏ, bút chì đỏ ngắn hơn bút chì xanh.

2) Đo độ dài



- GV giới thiệu thêm công cụ đo quen thuộc khi không cần sự chính xác cao.
- Hỏi HV còn có cách đo nào khác mà HV đã biết.

3) Đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét



Người ta có thể dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài.



(Bút chì dài 7cm)

- Giới thiệu xăng-ti-mét là đơn vị đo độ dài; tên gọi, kí hiệu (cm).
- Giới thiệu thước kẻ, thước dây có vạch chia thành từng xăng-ti-mét.
- HV quan sát hình ảnh, GV giải thích: bút chì có độ dài 7 cm.

3. Luyện tập

Bài 1. Băng giấy nào dài hơn? Băng giấy nào ngắn hơn? Băng giấy nào dài nhất?

- Dành thời gian cho cả lớp quan sát độ dài dựa vào lưới cho trước.

- GV hướng dẫn HV mỗi ô vuông là một đơn vị chiều dài. Bảng giấy chiếm mấy ô vuông.

- GV mời HV nêu kết quả tìm được dự vào lưới cho trước.

Bài 2. Ghi số đo độ dài thích hợp

☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.

- Gọi ý HV xác định điểm cuối của vật (với điểm đầu gắn với số 0)

- Nhận xét và sửa chỗ điền sai của HV (nếu cần).

- Yêu cầu cả lớp dựa vào kết quả bài làm trên bảng (đã sửa) để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của mình (trong TLH).

✂ Chìa khóa dài6 cm.....

Đinh ốc dài5 cm.....

Bài 3. Thực hành đo độ dài bút, vở ghi, tài liệu học bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét rồi viết số đo vào vở ghi.

☞ • Dành thời gian cho thực hành đo theo từng nhóm.

- Các nhóm HV đo và ghi kết quả đo được trong vở ghi.

- Nhận xét cách đo, cách đặt vị trí đầu thước, các đọc kết quả.

4. Vận dụng

Bài 4. Thực hành đo độ dài bàn ghế, phòng bằng thước có vạch chia xăng-ti-mét

☞ • Dành thời gian cho thực hành đo theo từng nhóm.

- Các nhóm HV đo và ghi kết quả đo được trong vở ghi.

- Nhận xét cách đo, cách đặt vị trí đầu thước, các đọc kết quả.

Bài 5. Tìm đồ vật theo gợi ý dưới đây, ước lượng độ dài rồi đo để kiểm tra kết quả ước lượng của mình

☞ • Dành thời gian cho HV thảo luận cặp đôi.

- GV gợi ý, hướng dẫn trước khi đo, HV tập ước lượng trước rồi kiểm tra độ chính xác bằng thước chia vạch.

- Yêu cầu HV cho kết quả, nói về sự chênh lệch giữa ước lượng kết quả đo.

Bài 6. Đo vật nào dưới đây đựng vừa hộp bút sau:

☞ • Dành thời gian cho từng nhóm thảo luận.

- GV gợi ý HV trước tiên xác định độ dài của hộp bút, sau đó độ dài của bút chì và tẩy.

Bài 19

CÁC NGÀY TRONG TUẦN. THỰC HÀNH XEM LỊCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày). Cụ thể như: Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ.

- Xác định được các ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày).

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày).

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng dạy Toán 1.

- Bộ lịch treo tường, lịch bóc.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Các ngày trong tuần lễ là rất quen thuộc với HV, vì đa số các gia đình đều sử dụng lịch. Do đó khi dạy bài này, GV cần tăng cường thực hành và giúp HV vận dụng vào thực tế công việc hàng ngày.

2. Ngày tháng trong tài liệu là tính theo dương lịch. Tuy nhiên theo phong tục nhiều người vẫn quen dùng lịch âm, do đó GV cần giúp HV hiểu và phân biệt được ngày tháng dương lịch, âm lịch ghi trên tờ lịch.

1. Khởi động

☞ • Chia sẻ những hiểu của anh chị về các ngày trong tuần và việc sử dụng lịch trong cuộc sống

• HV đứng tại chỗ nói về hiểu biết của mình về các ngày trong tuần, tự nhận xét về ý nghĩa của nó trong cuộc sống của họ.

2. Hình thành kiến thức



- ☞ • Sử dụng quyển lịch bloc, lấy ra 7 tờ từ thứ hai đến thứ bảy, giới thiệu cho HV.
- GV lưu ý các ngày thứ trong tuần được lặp lại theo chu kỳ 7 ngày.
- GV có thể chia sẻ thêm về Thứ hai là ngày đầu tuần, các ngày cuối tuần như Thứ bảy, Chủ nhật.

3. Luyện tập

Bài 1. Nêu tên các ngày trong trong lễ dưới đây:

- ☞ • Yêu cầu HV điền vào chỗ trống còn lại các ngày.
- Dành thời gian để HV viết các ngày còn trống trong vở ghi theo thứ tự ngày.
- Chẳng hạn: Thứ hai ;... thứ ba...; ...thứ tư... ;... thứ năm...

Bài 2. a) Đọc thông tin thứ, ngày, tháng trong các tờ lịch sau

- ☞ • Mời một HV đọc thứ, ngày, tháng ghi trên tờ lịch. Các HV khác ghi vào tài liệu và đọc nhẩm lại.
- GV chuẩn bị trước tờ lịch của ngày hiện tại, mời một HV đọc các thông tin trên đó.
- Giải thích cho HV các thông tin về ngày tháng ghi ở phía dưới tờ lịch là các thông tin theo âm lịch (theo Tờ lịch cụ thể).

Bài 3. Quan sát lịch chơi thể thao của anh Dũng trong một tuần rồi trả lời câu hỏi:

Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
Quần vợt 	Bơi lội 	Bóng rổ 	Bóng bàn 	Cầu lông 		

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm

- Các nhóm trả lời các câu hỏi theo gợi ý.
- Mời đại diện các nhóm đứng tại chỗ nêu kết quả sau khi thảo luận.
- Các nhóm còn lại góp ý, GV chốt đáp án đúng.

✎ a) Anh Dũng chơi tennis vào thứ mấy ?*thứ hai*.....

b) Thứ năm anh Dũng chơi môn thể thao nào ? ...*bóng bàn*...

c) Những ngày nào trong tuần anh Dũng không chơi thể thao?

.....*Thứ bảy và chủ nhật*....

d) Nếu hôm nay anh Dũng tập bơi thì ngày mai anh Dũng chơi môn thể thao nào ?*bóng rổ*.....

e) Nếu hôm qua anh Dũng chơi bóng rổ thì ngày mai anh Dũng chơi môn thể thao nào ?*cầu lông*....

Bài 4. Anh Hòa đi công tác 1 tuần và 2 ngày. Hỏi Anh Hòa đi công tác bao nhiêu ngày?

☞ • Trước tiên mời 01 HV trả lời câu hỏi: một tuần có mấy ngày?

- Dành thời gian để cả lớp làm bài tập.
- GV mời một HV nêu phép tính và kết quả bài toán.

✎ Trả lời : Anh Hòa đi công tác ...*9*... ngày.

4. Vận dụng

Bài 5. Đọc tờ lịch của ngày hôm nay rồi viết lần lượt tên ngày trong tuần, ngày trong tháng, tên tháng:

a) Hôm nay là.....ngày.....tháng.....

b) Ngày mai là.....ngàytháng.....

- ☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.
- Chuẩn bị tờ lịch của ngày hôm đó, HV sẽ dự đoán kết quả câu b.
- Gọi học sinh đứng tại chỗ trả lời đáp án.

Bài 6. Quan sát tờ lịch sau:



Và trả lời câu hỏi:

- a) Anh Hải có buổi tập huấn về trồng rau sạch vào thứ mấy, ngày nào?
- b) Anh Hải thi lấy bằng lái xe máy vào thứ mấy, ngày nào?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.
- Có thể chuẩn bị thêm tờ lịch của ngày hôm đó với câu hỏi a và b.
- Gọi các nhóm nhận xét chéo.

Bài 7. Hãy ghi lại những công việc anh/chị dự định làm trong tuần tới:

- ☞ • Tổ chức cho từng cá nhân viết công việc dự kiến trong tuần.
- GV có thể giao về nhà để HV tự làm và nộp sản phẩm vào buổi học sau.

Bài 20

ĐỒNG HỒ THỜI GIAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Làm quen một số đồng hồ, biết xem đồng hồ, thời gian trên đồng hồ gắn với thực tại, gắn với đặc trưng các thời điểm trong ngày.
- Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đọc giờ đúng trên đồng hồ.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1
- Một chiếc đồng hồ báo thức hoặc một mặt đồng hồ bằng bìa cứng, có hai kim gắn vào trục có thể xoay được.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đọc giờ trên đồng hồ có thể là đã quen thuộc đối với HV, GV cần phát huy những hiểu biết và kinh nghiệm của HV để áp dụng vào bài học.
2. HV đã quen thuộc với việc xem đồng hồ và xem lịch hàng ngày, cần tăng cường thực hành và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc, đời sống sinh hoạt hàng ngày.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV có thể đặt câu hỏi: Làm thế nào để biết về thời gian? Chẳng hạn:
+ Anh/chị thức dậy vào mỗi buổi sáng lúc mấy giờ?

+ Anh/chị thường đi làm lúc mấy giờ? Đi làm về lúc mấy giờ?

HV chia sẻ những hiểu biết của anh/chị về thời gian và việc sử dụng đồng hồ trong cuộc sống

2. Hình thành kiến thức



☞ • GV giới thiệu về đồng hồ. Sử dụng đồng hồ chuẩn bị trước, GV có thể đặt câu hỏi:

+ Mặt đồng hồ có bao nhiêu số? Từ số bao nhiêu đến số bao nhiêu?

+ Trên mặt đồng hồ, ngoài các số còn xuất hiện gì?

-GV giới thiệu về kim dài, kim ngắn: Kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút.

- Yêu cầu HV quan sát phần “Khám phá” trong TLH, GV sử dụng mô hình đồng hồ quay đúng 6 giờ (như đồng hồ trong TLH) rồi giới thiệu cho HV: “Đồng hồ báo lúc 7 giờ.” GV cần nhấn mạnh: Kim ngắn (kim giờ) chỉ số 6, kim dài (kim phút) chỉ số 12.

3. Luyện tập

Bài 1. Đồng hồ chỉ mấy giờ?

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận cặp đôi và trao đổi, thảo luận về giờ trên từng đồng hồ.

• *GV lưu ý HV:* Kim phút chỉ vào số 12 là lúc “chẵn giờ”. Khi đó kim giờ chỉ vào số nào thì số đó chỉ số giờ.

Trong thực tế, không phải lúc nào cần xem giờ cũng thấy đồng hồ chỉ “chẵn giờ”. Trong một số tình huống cụ thể, GV cần linh hoạt giới thiệu cho HV biết đọc

giờ. Chẳng hạn, khi kim giờ chỉ vào gần số 4, còn kim phút chỉ vào gần số 12, ta nói: Bây giờ là *khảng* 4 giờ.

- Ngoài ra, giáo viên giới thiệu thêm cách nhìn giờ đồng hồ điện tử.

Bài 2. Tìm đồng hồ phù hợp với mỗi tranh

☞ • Hướng dẫn HV căn cứ vào lời mô tả dưới tranh vẽ và đối chiếu với giờ trên đồng hồ. Sau đó GV cho HV tự làm trên vở ghi.

- Quan sát, hướng dẫn và hỗ trợ HV yếu, kém.
- Nhận xét và sửa chữa chỗ sai của từng HV (có thể mời vài HV nhận xét và sửa chỗ sai của bạn).
- Yêu cầu HV đối chiếu với bài trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

Bài 3. Đồng hồ nào chỉ 11 giờ?

☞ • Mời một HV đọc thời gian trên các đồng hồ, GV nhận xét và yêu cầu cả lớp điền kết quả vào ô trống trong bài.

✂ Đồng hồ số 3 (vì kim ngắn chỉ số 11, kim dài chỉ đúng số 12).

Bài 4. Ghi giờ thích hợp

☞ • Mời một HV đọc thời gian trên các đồng hồ, GV nhận xét và yêu cầu cả lớp điền kết quả vào chỗ chấm trong bài.

4. Vận dụng

Bài 5. Quan sát hình vẽ sau, trả lời câu hỏi:

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm, các HV khác hỗ trợ đọc các thông tin ghi trong bài.

- HV thảo luận theo nhóm.
- Các nhóm nhận xét chéo kết quả, tính phù hợp của các đáp án.
- GV nhận xét, chốt kết quả.

✂ a) Máy bay số 1 khởi hành lúc 8 giờ đi từ Hà Nội đến Huế.

b) Máy bay số 2 khởi hành lúc 7 giờ. Đi từ Hà Nội đến Đà Nẵng.

Anh Sơn đi từ Hà Nội TP. Hồ Chí Minh, anh Sơn đã chuyển bay số 3. Chuyến bay đó khởi hành lúc 5 giờ.

Bài 21

PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép cộng không nhớ các số trong phạm vi 100.
- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 100.
- Nhận biết và viết được phép tính cộng phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính cộng thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Một số đồ vật đơn giản để thực hành phép cộng như: hạt ngô, trái cây...
- Một số tình huống đơn giản có liên quan tới phép cộng trong phạm vi 100.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi đặt tính theo cột dọc cần đặt thẳng cột.
2. Chú ý phép cộng không nhớ số có hai chữ số với số có một chữ số.

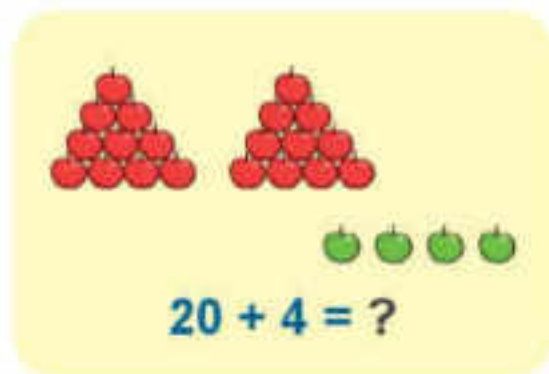
IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV nêu vấn đề thực hiện phép tính gộp các số lượng que tính ở hai hình vẽ. Quá trình thực hiện tính tất cả các số que sẽ khó khăn (nếu lấy số que tính ra thực hiện)

• Từ việc nêu một số khó khăn khi dùng que tính, vật thật, GV hướng HV vào việc tiếp cận kiến thức mới.

2. Hình thành kiến thức



Chục	Đơn vị
2	0
+	4
2	4

$$\begin{array}{r} 20 \\ + 4 \\ \hline 24 \end{array}$$

• 0 cộng 4 bằng 4, viết 4.
• Hạ 2, viết 2.

☞ • GV giới thiệu cách thức tính theo cột dọc. Ghi số một số lưu ý khi cộng dọc như: cách đặt phép tính, ghi kết quả tìm được.

Lưu ý: nhấn vào việc đặt số 4 ngay dưới hàng đơn vị của số 20.

Đối với việc cộng hai số có hai chữ số:

* Đặt tính $\begin{array}{r} 25 \\ + 14 \\ \hline \end{array}$	* Cộng đơn vị với đơn vị $\begin{array}{r} 25 \\ + 14 \\ \hline 9 \end{array}$ 5 cộng 4 bằng 9, viết 9	* Cộng chục với chục $\begin{array}{r} 25 \\ + 14 \\ \hline 39 \end{array}$ 2 cộng 1 bằng 3, viết 3
Vậy, $25 + 14 = 39$		

☞ • Hướng dẫn HV quan sát và đếm số bó một chục que tính và số que tính rời trong cả hai ô ở hình vẽ trên để tính $25 + 14$.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của các HV trên và kết luận $25 + 14 = 39$.
- Giới thiệu cách đặt tính theo cột dọc, rồi tính như trong TLH.

Có thể như sau: Ta có thể tìm ra kết quả $25 + 14 = 39$ bằng cách thực hiện phép tính theo các bước sau:

** Đặt tính:*

- Viết số 14 dưới số 25 sao cho 1 thẳng cột với 2, 4 thẳng cột với 5.
- Viết dấu cộng vào bên trái giữa hai số, đồng thời kẻ vạch ngang dưới số 14.

** Tính:*

- 4 cộng 5 bằng 9, viết 9 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 4 và 5.
- 2 cộng 1 bằng 3, viết 3 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 2 và 1.

☞ • Mời một vài HV nêu lại cách tính

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Tính:

☞ • Dành thời gian cho lớp thực hành phép tính cộng (đặt trước phép tính).
Ghi nhanh Bài tập 1 lên bảng (bên trái bảng).

- Quan sát các HV làm bài, GV chú ý hướng dẫn những HV yếu, kém.
- Mời 3 HV lên thực hiện các phép tính ghi trên bảng, cả lớp thực hành.
- Nhận xét và sửa chỗ sai cho HV.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với kết quả trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

Bài 3. Đặt tính rồi tính:

☞ • Ghi nhanh Bài tập 3 lên bảng (bên phải bảng).

- Mời 3 HV thực hiện trên bảng (lưu ý việc đặt phép tính của HV).
- Nhận xét và chữa bài, có thể yêu cầu HV giải thích cách thực hiện.

Lưu ý HV cách đặt tính hai trường hợp $51 + 5$ hay $7 + 42$...

Bài 4,5. Tính nhẩm :

- ☞ • Dành thời gian để HV thực hành tính nhẩm.
- Quan sát lớp học và giúp đỡ những HV yếu, kém.
 - Ghi nhanh bài tập 5 lên bảng và mời hai HV đứng tại chỗ cho kết quả tính nhẩm.

• Nhận xét và chữa bài (nếu sai). Yêu cầu HV dựa vào bài làm trên bảng sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

4. Vận dụng

Bài 6. Ngày thứ nhất anh Toàn trồng được 25 cây. Ngày thứ hai anh Toàn trồng được 32 cây. Hỏi cả hai ngày anh Toàn trồng được bao nhiêu cây?

☞ • Mời 01 HV đứng tại chỗ trả lời, xác định phép toán trong bài.

• Hướng dẫn HV điền vào ô cho trước.

• Thực hiện phép tính.

• GV nhận xét, chữa bài.

✎ Trả lời : Cả hai ngày anh Toàn trồng được ...57... cây .

Bài 7. Vườn hoa nhà chị Xuân có 40 cây hoa hồng, chị Xuân trồng thêm 12 cây hoa hồng nữa. Hỏi vườn hoa nhà chị Xuân có tất cả bao nhiêu cây hoa hồng.

☞ • Mời 01 HV đứng tại chỗ trả lời, xác định phép toán trong bài.

• Hướng dẫn HV điền vào ô cho trước.

• Thực hiện phép tính.

• GV nhận xét, chữa bài.

✎ Trả lời : Vườn hoa nhà chị Xuân có tất cả ..52... cây hoa hồng.

Bài 8. Anh Giang mua 5 chục chiếc túi xốp bọc quả, vì cửa hàng đang có chương trình khuyến mãi nên anh Nam được tặng thêm 5 chiếc túi nữa. Hỏi anh Giang có tất cả bao nhiêu chiếc túi xốp bọc quả?

☞ • Mời 01 HV đứng tại chỗ trả lời, xác định phép toán trong bài.

• Hướng dẫn HV điền vào ô cho trước.

• Thực hiện phép tính.

• GV nhận xét, chữa bài.

✎ Trả lời: Anh Giang có tất cả55....chiếc túi xốp bọc quả.

Bài 22

PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép trừ không nhớ các số trong phạm vi 100.
- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100.
- Nhận biết và viết được phép tính trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Một số đồ vật quen thuộc để thực hiện thực hành phép tính trừ (thay thế que tính);
- Một số tình huống đơn giản liên quan tới phép trừ trong phạm vi 100.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi đặt tính theo cột dọc cần đặt thẳng cột.
2. Chú ý phép trừ không nhớ số có hai chữ số với số có một chữ số.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nói phép tính tìm số que tính còn lại rồi lấy que tính ra thực hiện. Việc sử dụng que tính với số lượng nhiều đã thấy khó khăn hơn đối với các phép toán có 02 chữ số.)

2. Hình thành kiến thức

$47 - 24 = ?$

• Đặt tính: $\begin{array}{r} 47 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$	• Trừ đơn vị cho đơn vị: $\begin{array}{r} 47 \\ - 24 \\ \hline 3 \end{array}$ 7 trừ 4 bằng 3, viết 3	• Trừ chục cho chục: $\begin{array}{r} 47 \\ - 24 \\ \hline 23 \end{array}$ 4 trừ 2 bằng 2, viết 2
--	---	--

Vậy, $47 - 24 = 23$

☞ • Giới thiệu cách đặt tính theo cột dọc, rồi tính như trong TLH. Có thể tìm ra kết quả $47 - 24 = 23$ bằng cách thực hiện phép tính theo các bước sau:

* Đặt tính:

- Viết số 24 dưới số 47 sao cho 2 thẳng cột với 4, 4 thẳng cột với 7.
- Viết dấu trừ vào bên trái giữa hai số, đồng thời kẻ vạch ngang dưới số 24.

* Tính:

- 7 trừ 4 bằng 3, viết 3 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 7 và 4.
- 4 trừ 2 bằng 2, viết 2 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 2 và 4.

- Mời một vài HV nhắc lại cách trừ như nêu trên.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính (thực hành tích dục)

☞ • Dành thời gian để HV thực hành.

- Mời ba HV thực hiện trên bảng (có thể yêu cầu HV giải thích cách thực hiện).
- Nhận xét và chữa bài (nếu HV làm sai). Nhấn mạnh cách đặt tính theo cột dọc. Yêu cầu HV đối chiếu với bài làm của mình để hoàn thiện và TLH.

Bài 2. Đặt tính rồi tính (hướng dẫn HV đặt tính theo mẫu cho trước)

☞ • Mời 2 HV lên bảng đặt phép tính

- GV hướng dẫn đặt phép tính (có thể yêu cầu HV nhắc lại cách đặt phép tính và thực hiện).

- Yêu cầu các HV đối chiếu, tự so sánh với kết quả của bạn.
- GV kiểm tra bài làm của HV, hướng dẫn và chữa kết quả đúng.
- Hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 3. Đặt tính rồi tính:

☞ • Dành thời gian để HV tự luyện tập; tổ chức để các HV thảo luận cặp đôi về việc đặt phép tính rồi tính.

- Nhận xét và chữa bài. Yêu cầu HV đối chiếu với kết quả bài chữa để hoàn thiện bài làm của họ.
- Có thể mời vài HV nhắc lại kĩ thuật thực hiện phép trừ.

Bài 4. Tính nhẩm:

- ☞ • Dành thời gian để HV tính nhẩm trên cơ sở phép tính đầu tiên trong cột.
- Từ cơ sở của phép tính đầu, hướng dẫn HV cách tính phép tính thứ 2 trong cột.
- Nhận xét và chữa bài (nếu sai). HV dựa vào bài làm trên bảng sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của mình.

Bài 5. Tính nhẩm

☞ • Dành thời gian để HV tự tính nhẩm. Lưu ý phép trừ với các chữ số tròn chục, chữ số có hàng đơn vị trùng với số trừ.

4. Vận dụng

Bài 6. Chị Hiền hái được 38 quả gấc chín, chị Hiền bán đi 26 quả. Hỏi chị Hiền còn lại bao nhiêu quả gấc?

☞ • Gợi ý để HV tìm hiểu đề bài bằng cách trả lời các câu hỏi, rồi GV dựa vào đó viết tóm tắt bài tập lên bảng.

- + Chị Hiền hái được bao nhiêu quả gấc chín?
- + Chị Hiền bán đi bao nhiêu quả gấc chín?
- + Số gấc chín còn lại tăng thêm hay giảm thêm?
- + Theo các anh/chị ta đặt phép tính gì?

- Mời một HV lên bảng dựa vào tóm tắt trên viết bài giải của Bài tập 6.

• Nhận xét, sửa chỗ sai của HV, rồi viết lại bài giải Bài tập 6, lên bảng như dưới đây, sau đó yêu cầu cả lớp chép lại vào vở học.

✍ Bài giải: Phép tính: $38 - 26 = 12$ (quả gấc)

Đáp số: Chị Hiền còn lại 12 quả gấc.

Bài 7, 8. Tương tự.

Bài 23

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Củng cố kỹ năng thực hiện phép cộng, phép trừ không nhớ các số trong phạm vi 100.
- Củng cố việc đặt tính và thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 100.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính cộng và trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Một số tình huống thực tiễn liên quan tới phép toán cộng hoặc trừ trong phạm vi 100.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi HV đã thạo cách thực hiện phép trừ theo cột dọc rồi thì không cần thao tác trên que tính.
2. Yêu cầu HV chú ý khi đặt tính (các hàng phải thẳng cột; thực hiện từ phải sang trái).
3. Khuyến khích HV tính nhẩm.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • Từ vị trí của 3 tiêu sau 3 lần phi tiêu. Tính tổng điểm của người phi tiêu như thế nào? Hoặc:

• GV cho HV tự lấy ví dụ về phép cộng, phép trừ không nhớ các số trong phạm vi 100 rồi thực hiện tìm kết quả các phép tính đó.

2. Luyện tập

Bài 1,2. Tính và đặt phép tính :

- ☞ • Mời một HV nêu yêu cầu của đề bài rồi dành thời gian để cả lớp tự luyện tập
- Ghi nhanh Bài tập 1 lên bảng và mời 03 HV làm trên bảng.
 - Quan sát lớp học, hướng dẫn HV đặt tính đúng rồi mới thực hiện phép tính.
 - GV cùng cả lớp nhận xét và chữa bài (nếu HV làm sai). Sau đó, yêu cầu cả lớp hoàn thiện bài làm vào TLH.

Bài 3. Tính nhẩm:

- ☞ • Phát phiếu học tập rồi dành thời gian để HV tự giải và o phiếu bài tập.
- Cho HV nhận xét chéo bài của nhau.
 - GV chữa bài, nhận xét bài của một số HV.
 - Lưu ý các HV yếu về cách đặt tính, tính nhẩm, trình bày trong phiếu học tập.

Bài 4. Viết dấu +, - thích hợp để có các phép tính đúng :

- ☞ • Tổ chức thảo luận theo cặp đôi.
- Cho HV trong từng cặp đôi thảo luận phát hiện phép tính.

3. Vận dụng

Bài 5. Hà và Lan hái được 68 bông hoa, riêng Hà hái được 34 bông hoa. Hỏi Lan hái được bao nhiêu bông hoa?

☞ • Gợi ý để HV tìm hiểu đề bài bằng cách trả lời các câu hỏi rồi GV viết "tóm tắt" bài tập 8 vào vở học.

- Mời một HV lên viết bài giải bài toán 8 theo gợi ý mẫu.

- Nhận xét và sửa chỗ sai trong bài giải của HV trên.
- Yêu cầu cả lớp đối chiếu với bài giải trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài giải của họ.

Tóm tắt: Tất cả hái : 68 bông hoa

Hà hái : 34 bông hoa

Lan hái : ...?...bông hoa?

✎ Phép tính: $68 - 34 = 34$

Trả lời Bài 5 : Lan hái được ...34... bông hoa.

Bài 6, 7. Tương tự.

Bài 24

CỘNG, TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được việc cộng, trừ nhằm các số tròn chục. Thông qua: tính nhẩm tìm kết quả phép cộng, trừ các số tròn chục.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng, phép trừ đã học vào giải quyết với một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Nhận biết và viết được phép tính phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1
- Một số Bảng phụ.
- Một số tình huống đơn giản có phép cộng, trừ các số tròn chục.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Trọng tâm của bài là đọc, viết các số tròn chục và cộng trừ (không nhớ) các số tròn chục. GV cần lưu ý HV cách thực hiện phép cộng, trừ các số tròn chục (cách đặt tính; cộng, trừ theo cột dọc).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

Nói phép tính thích hợp với mỗi tình huống trong bức tranh sau:

- ☞ • HV quan sát tranh vẽ, đứng tại chỗ nêu phép tính phù hợp.
- GV kết hợp viết phép tính HV nêu.
- GV đặt vấn đề về việc cộng nhanh phép tính này với các số tròn chục.

2. Hình thành kiến thức

Đặt tính

$$\begin{array}{r} 30 \\ + 20 \\ \hline 50 \end{array}$$

$30 + 20 = ?$

- 0 cộng 0 bằng 0, viết 0
- 3 cộng 2 bằng 5, viết 5
- $30 + 20 = 50$

• Các số cùng hàng đặt thẳng cột với nhau (hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục).

☞ • Hướng dẫn HV như sau: Yêu cầu HV quan sát Bảng kiến thức về “Cộng các số tròn chục” rồi cho biết: gộp 20 que tính với 10 que tính ta được bao nhiêu que tính?

- Mời một vài HV đứng tại chỗ cho biết kết quả.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của HV.
- Giới thiệu cách đặt tính và tính: $20 + 10 = 30$.

Ngoài ra, có thể hướng dẫn HV theo cột.

** Đặt tính:*

- Viết số 10 dưới số 20 sao cho 2 thẳng cột với 1, 0 thẳng cột với 0.
- Viết dấu cộng vào bên trái giữa hai số, đồng thời kẻ vạch ngang dưới số 20.

** Tính:*

- 0 cộng 0 bằng 0, viết 0 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 0 ở trên.
- 2 cộng 1 bằng 3, viết 3 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 2 và 1.

- Mời một vài HV nêu lại cách tính.
- GV có thể lấy thêm ví dụ về phép tính trừ hai số tròn chục. Chẳng hạn, lấy $50 - 20$.

* Đặt tính:

- Viết số 20 dưới số 50 sao cho 2 thẳng cột với 5, 0 thẳng cột với 0.
- Viết dấu trừ vào bên trái giữa hai số, đồng thời kẻ vạch ngang dưới số 20.

* Tính:

- 0 trừ 0 bằng 0, viết 0 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 0 ở trên.
- 5 trừ 2 bằng 3, viết 3 dưới vạch kẻ ngang và thẳng cột với 2 và 5.

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Tính nhẩm (củng cố lý thuyết về tổng, hiệu hai số tròn chục)

☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.

• Mời hai HV lên bảng chữa bài (một HV làm tính cộng, một HV làm tính trừ). Sau đó có thể yêu cầu HV nêu lại cách tính.

• Hướng dẫn HV cách tính nhẩm (theo mẫu). Lưu ý HV nhẩm tính trong đầu và điền kết quả.

• Yêu cầu HV cả lớp đối chiếu kết quả GV chữa trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của họ.

Bài 3. Tính nhẩm

☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.

• Mời 01 HV lên bảng chữa bài (một HV làm tính cộng, một HV làm tính trừ). Sau đó có thể yêu cầu HV nêu lại cách tính.

• Hướng dẫn HV cách tính nhẩm. Lưu ý HV nhẩm tính trong đầu và điền kết quả.

• Yêu cầu HV cả lớp đối chiếu kết quả

Bài 4. Viết dấu >, <, = thích hợp vào ô trống

(Gợi ý: Cần làm các phép tính, rồi dựa vào kết quả tìm được để điền dấu thích hợp vào ô trống.)

☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập.

• Hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 5. Chị Doan mua 20 quả trứng gà và 30 quả trứng vịt. Hỏi chị Doan mua tất cả bao nhiêu quả trứng gà và vịt ?

☞ ● Dành thời gian cho cả lớp thảo luận xác định phép tính.

● Mời 01 HV đứng tại chỗ trả lời nêu phép tính, không nhất thiết phải đặt phép tính.

● Hướng dẫn HV viết phép tính. Lưu ý HV nhắm tính trong đầu và điền kết quả.

✎ Trả lời : Chị Doan mua tất cả 50 quả trứng.

Bài 6. Cửa hàng có 50 chiếc xe đạp, đã bán được hai chục chiếc. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp ?

☞ ● Dành thời gian cho cả lớp thảo luận xác định phép tính.

● Mời 01 HV đứng tại chỗ trả lời nêu phép tính, không nhất thiết phải đặt phép tính.

● Hướng dẫn HV viết phép tính. Lưu ý HV nhắm tính trong đầu và điền kết quả.

✎ Trả lời : Cửa hàng còn lại 30 chiếc xe đạp.

Bài 7. Đàn gà nhà anh Duy có 9 chục con gà, biết rằng ngoài sân có 50 con gà. Hỏi trong chuồng còn lại bao nhiêu con gà?

☞ ● Tổ chức tương tự Bài tập 6

✎ Trả lời : Trong chuồng còn lại 40 con gà

Bài 25

PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 20

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép cộng có nhớ các số trong phạm vi 20.
- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép cộng (có nhớ) các số trong phạm vi 20.
- Nhận biết và viết được phép tính cộng phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính cộng thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV.
- Bảng phụ; Phiếu học tập.
- Một số tình huống đơn giản có liên quan tới phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi HV đã thạo cách thực hiện phép cộng theo cột dọc rồi thì không cần thao tác trên que tính.
2. Yêu cầu HV chú ý khi đặt tính (các hàng phải thẳng cột; thực hiện từ phải sang trái).
3. Khuyến khích HV tính nhẩm.
4. Bài học dự kiến chia làm 3 tiết

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

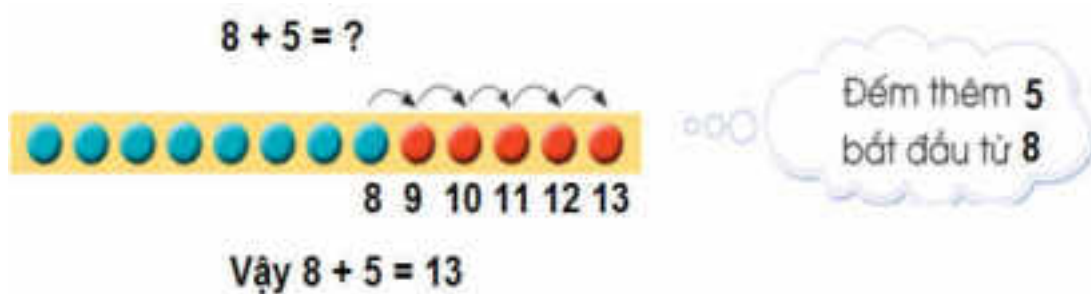
1. Khởi động

(Có 02 nhóm xe máy, nhóm trước và nhóm sau. Các anh/chị cho biết có tất cả bao nhiêu xe?)

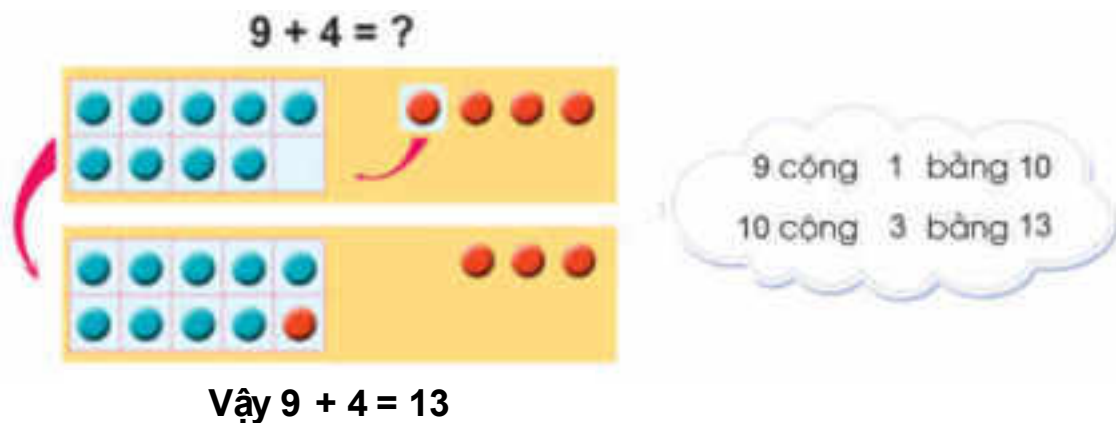
☞ • GV đưa ra tình huống này rồi hướng dẫn HV nói phép toán thích hợp, rồi sau đó lấy que tính ra thực hiện.

2. Hình thành kiến thức

1) Cộng bằng cách “Đếm thêm”



2) Cộng bằng cách “Làm cho tròn mười”



☞ • Hướng dẫn HV theo hai cách. Chẳng hạn là đếm thêm hoặc làm tròn cho 10.

• Từ 8 chấm xanh, đếm thêm 5 chấm đỏ ta được kết quả là 13 chấm. Khi đó ta viết $8 + 5 = 13$.

• Ý thứ hai từ 9 chấm xanh và bốn chấm đỏ, ta thêm một chấm đỏ thành 10 chấm và đếm từ 10 đến 13 chấm. Khi đó ta viết $9 + 4 = 13$.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính (củng cố thực hiện phép tính sử dụng que tính đếm thêm)

☞ • Hướng dẫn HV theo hai cách như phần lý thuyết.

• HV thực hiện các thao tác đếm để củng cố lý thuyết. Chẳng hạn, tám chấm xanh đếm thêm bốn chấm đỏ là 12 chấm.

• HV thực hành tính. HV viết $8 + 4 = 12$.

Bài 2. Tính (thực hành tính theo cách đếm thêm)

☞ • Dành thời gian để HV tự luyện tập.

• HV thực hiện phép tính bằng cách đếm thêm (không sử dụng que tính)

• Quan tâm HV yếu, kém.

Bài 3. Tính (thực hành củng cố lý thuyết tính theo cách làm tròn 10)

☞ • Hướng dẫn HV theo cách tính làm tròn 10.

• Quan tâm HV yếu, kém.

Bài 4, 5. Tính: (thực hành tính theo cách làm tròn 10)

☞ • Dành thời gian để HV tự luyện tập.

• Khuyến khích HV tính nhẩm theo cách làm tròn (không sử dụng que tính).

• Quan tâm HV yếu, kém.

• Đối với Bài 5 gợi ý 02 phép tính theo cột, bước đầu hình thành dần tính chất giao hoán đối với phép cộng sau này.

Bài 6. Tính nhẩm:

☞ • Dành thời gian để HV tự luyện tập.

• Khuyến khích HV tính nhẩm theo cách làm tròn (không sử dụng que tính).

• Quan tâm HV yếu, kém.

• Hướng dẫn HV lựa chọn 02 số hạng cho kết quả tròn chục; bước đầu hình thành tư duy phối hợp trong phép tính cộng.

Bài 7. Quan sát bảng cộng sau:

☞ • Dành thời gian để các nhóm HV thảo luận để tìm ra quy luật.

- Dùng bảng phụ để hỗ trợ HV, gợi ý quy luật đối với phép toán theo cột dọc và hàng ngang.

- Các nhóm trình bày sản phẩm, có giải thích.

- GV tổng kết giữa các nhóm.

Bài 8. Viết số thích hợp vào ô trống để được các phép tính có kết quả là 11, 12 và 14:

☞ • Sử dụng phiếu học tập.

- Dùng bảng phụ để hỗ trợ HV, gợi ý các phép toán theo từng dòng.

- Chứa trực tiếp vào phiếu học tập HV làm.

- GV tổng kết chung cả ba ý.

4. Vận dụng

Bài 9, 10

☞ • Dành thời gian cho cả lớp hiểu nội dung đề bài và suy nghĩ.

- GV mời một HV xác định phép tính.

- Mời 1 HV lên bảng hoàn thiện phép tính theo mẫu.

✎ Trả lời : Tổ sản xuất đó có tất cả ...16....người

✎ Trả lời : Nhà anh Páo nuôi tất cả 11...con bò sữa.

Bài 26

PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 20

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép trừ có nhớ các số trong phạm vi 20.
- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép trừ (có nhớ) các số trong phạm vi 20.
- Nhận biết và viết được phép tính trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng dạy Toán 1
- Bảng phụ, Phiếu học tập.
- Một số tình huống đơn giản có liên quan tới phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi HV đã thạo cách thực hiện phép trừ theo cột dọc rồi thì không cần thao tác trên que tính.
2. Yêu cầu HV chú ý khi đặt tính (các hàng phải thẳng cột; thực hiện từ phải sang trái).
3. Khuyến khích HV tính nhẩm.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

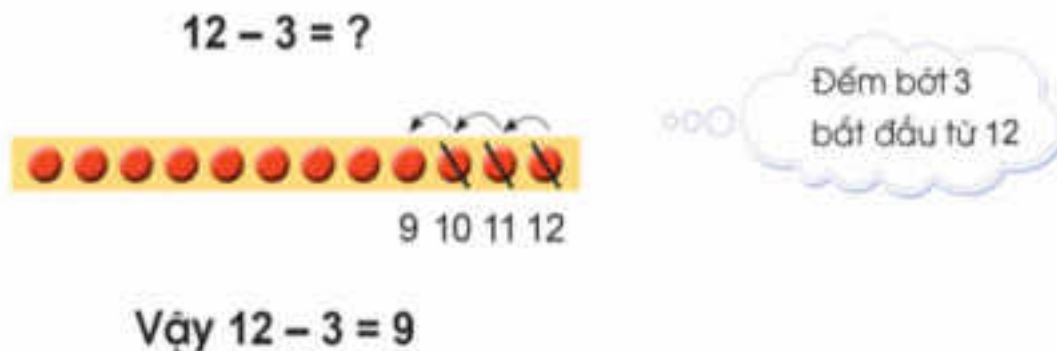
1. Khởi động

☞ • Từ tình huống tranh vẽ gợi ý HV thực hiện phép trừ với việc sử dụng các que tính

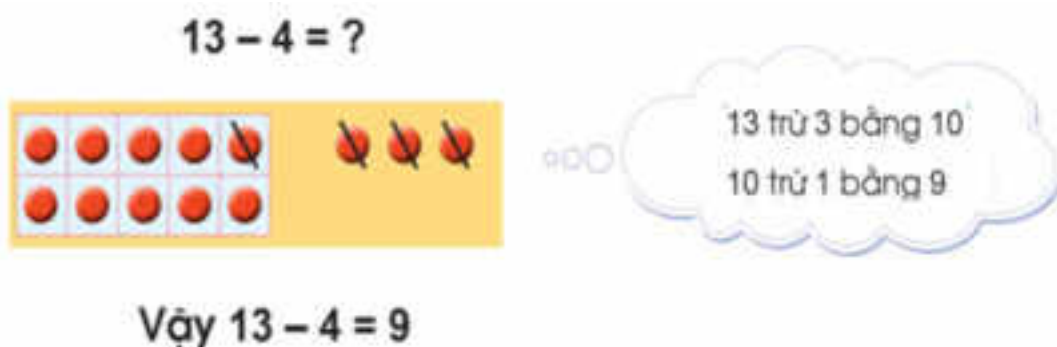
• GV có thể lấy thêm các tình huống tương tự khác (tùy thuộc vào diễn biến trên lớp)

2. Hình thành kiến thức

1) Trừ bằng cách “Đếm bớt”



2) Trừ bằng cách “Làm cho tròn mười”



☞ • Hướng dẫn HV theo hai cách. Chẳng hạn là đếm bớt hoặc làm tròn cho 10.

• Từ 12 chấm, đếm bớt 3 chấm ta được kết quả là 9 chấm. Khi đó ta viết $12 - 3 = 9$.

• Ý thứ hai từ 13 chấm trừ đi 3 chấm và 10 chấm trừ 1 chấm còn lại 9 chấm. Khi đó ta viết $13 - 4 = 9$.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính (củng cố lý thuyết thực hiện phép tính bằng việc đếm bớt)

☞ • Hướng dẫn HV thực hiện phép tính.

• HV thực hiện các thao tác đếm để củng cố lý thuyết. Chẳng hạn, 11 chấm đỏ bớt 2 chấm đỏ còn lại 9 chấm đỏ.

• Hướng dẫn kỹ hơn HV yếu, kém.

Bài 2. Tính (thực hành tính bằng việc đếm bớt)

☞ • Dành thời gian để HV làm tại chỗ.

• Kèm cặp HV yếu chưa biết cách thực hiện phép tính.

Bài 3, 4. Tính (thực hiện phép tính theo cách làm tròn 10)

☞ • Dành thời gian để HV làm tại chỗ.

• Kèm cặp HV yếu chưa biết cách thực hiện phép tính.

Bài 5. Tính nhẩm

☞ • Dành thời gian để HV làm tại chỗ.

• GV hướng dẫn HV thực hiện phép tính từ trái qua phải.

• Lưu ý mối liên quan giữa phép tính thứ hai theo từng cột.

Bài 6. Quan sát bảng trừ sau:

☞ • Tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.

• Các nhóm hoàn thiện bảng theo nhóm.

• Nhận xét các phép tính, kết quả phép tính theo từng cột.

• Các nhóm thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập; nhận xét chéo.

• GV tổng kết, hướng dẫn, nhận xét chung.

Bài 7. Tính

☞ • Dành thời gian để các nhóm HV thảo luận để tìm ra quy luật.

• Dùng bảng phụ để hỗ trợ HV, gợi ý quy luật đối với phép toán theo cột dọc và hàng ngang.

• Các nhóm trình bày sản phẩm, có giải thích.

• GV tổng kết giữa các nhóm.

Bài 8. Viết các số trong ô vào ô trống cho thích hợp :

☞ • Dành thời gian để HV tự luyện tập.

• Khuyến khích HV tính nhẩm và quan sát, nhận xét các phép tính theo cột khi giao hoán 2 số hạng và thực hiện phép trừ của phép toán hàng thứ 3, 4 từng cột.

• Hướng dẫn cụ thể cách lấy ví dụ đối với HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 9, 10, 11

☞ • GV hướng dẫn HV tóm tắt bài toán.

• Gọi HV đứng tại chỗ (hoặc lên bảng) xác định phép tính và ghi theo mẫu.

• GV chữa bài, nhận xét bài làm của HV

✎ *Trả lời Bài 9:* Trong bến xe còn lại...7... xe buýt

✎ *Trả lời Bài 10 :* Đàn gà nhà cô Lan có ...9... con gà mái.

✎ *Trả lời Bài 11:* Trên xe ô tô còn lại ..8.... hành khách.

Bài 27

PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép cộng có nhớ các số trong phạm vi 100.
- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép cộng (có nhớ) các số trong phạm vi 100.
- Nhận biết và viết được phép tính cộng phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính cộng thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Bảng phụ, Phiếu học tập.
- Một số tình huống đơn giản liên quan tới phép cộng trong phạm vi 100.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi đặt tính cộng theo cột dọc, cần phải viết các chữ số sao cho “thẳng cột”.
2. Với trường hợp cộng có nhớ trong phạm vi 100, sau khi thực hiện tính ở cột đơn vị, lưu ý “nhớ 1” sang cột chục.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV cho HV thao tác với que tính để minh họa và hình thành phép cộng $25 + 16$. GV bắt đầu bằng việc yêu cầu HV đếm số lượng que tính trong mỗi hàng. Sau đó có thể hỏi HV về số lượng que tính ở mỗi hàng để HV thấy mối liên hệ giữa số que tính ở mỗi hàng với chữ số hàng chục và hàng đơn vị tương ứng.

- HV hình thành phép cộng $25 + 16$ và sử dụng que tính tính kết quả.
- GV nêu khó khăn khi thực hiện, mặc dù cho kết quả đúng.

(Chẳng hạn: Ở hàng thứ nhất có 2 bó que tính ứng với chữ số hàng chục là 2 và có 5 que tính rời ứng với chữ số hàng đơn vị là 5.)

2. Hình thành kiến thức

$$25 + 16 = ?$$

The diagram shows a base ten block model for the addition $25 + 16$. It is divided into two columns: 'Chục' (Tens) and 'Đơn vị' (Units). In the 'Chục' column, there are two rods representing 20. In the 'Đơn vị' column, there are five single units representing 5. To the right of the blocks, the addition is written vertically:
$$\begin{array}{r} 25 \\ + 16 \\ \hline 41 \end{array}$$
 Next to the vertical calculation, two steps are explained:

- 5 cộng 6 bằng 11, viết 1, nhớ 1.
- 2 cộng 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

 Below the calculation, it states: **Vậy $25 + 16 = 41$**

☞ • Hướng dẫn cách thực hiện phép tính theo hai bước (vừa nói vừa viết lên bảng. Lưu ý khi nêu cách đặt tính cũng như khi nêu cách tính, nên vừa kết hợp nói, viết và chỉ vào từng số):

* *Đặt tính:*

- Viết số 16 dưới số 25 sao cho 6 thẳng cột với 5, 1 thẳng cột với 2.
- Viết dấu cộng vào bên trái giữa hai số, đồng thời kẻ vạch ngang dưới số 16.

* *Tính (từ phải sang trái):*

25	• 5 cộng 6 bằng 11, viết 1 nhớ 1 sang hàng chục
+	• 2 cộng 1 bằng 3, nhớ 1 là 4
16	
41	Vậy $25 + 16 = 41$.

Chú ý: Có thể cho HV tự đặt tính, GV chỉ hướng dẫn cách tính.

- Mời một vài HV nêu lại cách tính (như trong TLH).

3. Luyện tập

Bài 1. Đặt tính rồi tính (củng cố lý thuyết học)

☞ • Có thể mời một HV lên bảng đặt phép tính theo cột dọc và làm trên bảng, các HV khác làm vào vở ghi.

- Quan sát và giúp HV yếu, kém.
- Nhận xét và sửa chữa chỗ sai kịp thời của HV làm bài trên bảng (có thể mời HV khác nhận xét và sửa chỗ sai của bạn). GV yêu cầu HV nêu lại cách tính.
- Yêu cầu HV đối chiếu với bài trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của mình.

Bài 2. Tìm lỗi sai trong các phép tính sau rồi sửa lại cho đúng

- ☞ • Dành thời gian cho HV thảo luận theo nhóm nhỏ.
- Các nhóm tự quan sát cách đặt phép tính, kết quả phép tính; thảo luận, bình luận và giải thích lỗi sai.
 - GV tổng hợp ý kiến thảo luận của các nhóm và đưa ra những lưu ý, tổng kết.

Bài 3. Chọn số đúng tương ứng với phép toán

- ☞ • GV thiết kế dưới dạng phiếu học tập, HV làm thực hiện nhiệm vụ cặp đôi.
- Dành thời gian để các cặp HV làm bài.
 - GV hỗ trợ, hướng dẫn cặp HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 4, 5.

- ☞ • Dành thời gian để HV suy nghĩ, tìm hiểu nội dung bài toán.

- Dành thời gian để HV tự làm, trong trường hợp HV khó khăn, GV gợi ý đặt phép tính.

- Có thể mời HV tóm tắt bài toán và giải toán trên bảng; HV khác làm vào vở ghi.

- GV nhận xét, chữa bài.

✍ Trả lời Bài 4: Đội văn nghệ có tất cả ...36... người

✍ Trả lời Bài 5: Hợp tác xã trồng rau sạch của anh Sa có tất cả ...21... thành viên.

Bài 28

PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép trừ có nhớ các số trong phạm vi 100.
- Biết cách đặt tính và thực hiện được phép trừ (có nhớ) các số trong phạm vi 100.
- Nhận biết và viết được phép tính trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Bảng phụ, Phiếu học tập.
- Một số tình huống đơn giản liên quan tới phép trừ (có nhớ) các số trong phạm vi 100.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi đặt tính tính trừ theo cột dọc, cần phải viết các chữ số sao cho “thẳng cột”.
2. Với trường hợp trừ có nhớ trong phạm vi 100, sau khi thực hiện tính ở cột đơn vị, lưu ý “nhớ 1” sang cột chục. (Chú ý: Phân biệt “nhớ 1” đối với phép cộng, phép trừ).

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

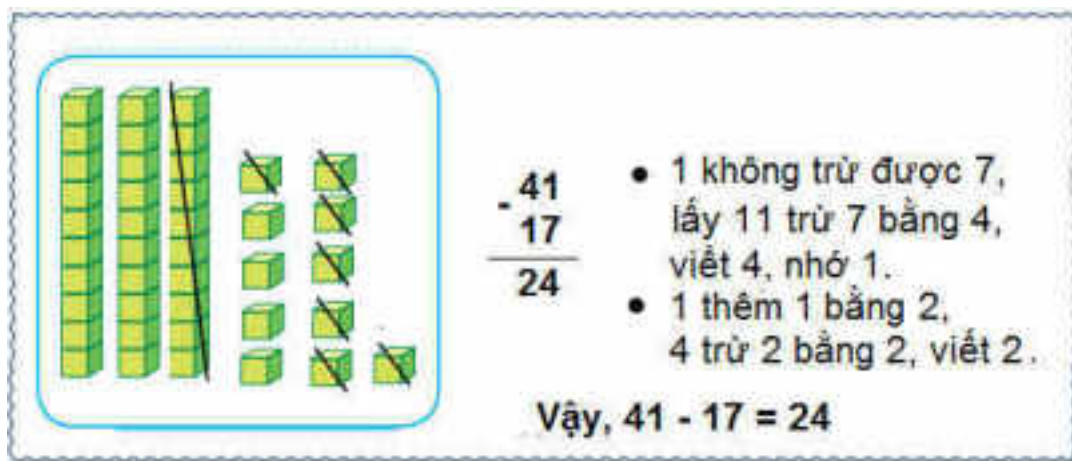
1. Khởi động

☞ • GV cho HV thao tác với que tính để minh họa và hình thành phép trừ $41 - 17$ bằng phương pháp đếm số que tính.

• GV nêu khó khăn khi thực hiện, định hướng giải pháp không thực hiện phép tính theo cách đếm que tính.

2. Hình thành kiến thức

$$41 - 17 = 24$$



☞ • Hướng dẫn cách thực hiện phép tính theo hai bước như trong TLH (vừa nói vừa viết lên bảng. Lưu ý khi nêu cách đặt tính cũng như khi nêu cách tính, nên vừa kết hợp nói, viết và chỉ vào từng số):

* **Đặt tính:**

- Viết số 17 dưới số 41 sao cho 1 thẳng cột với 7, 4 thẳng cột với 1.

- Viết dấu trừ vào bên trái giữa hai số, đồng thời kẻ vạch ngang dưới số 17.

* **Tính (từ phải sang trái):**

- 1 không trừ được 7, lấy 11 trừ 7 bằng 4, viết 4 (thẳng cột với 1 và 7), nhớ 1.

- 1 thêm 1 bằng 2, 4 trừ 2 bằng 2, viết 2 (thẳng cột với 4 và 1).

Vậy: $41 - 17 = 24$

Chú ý: Có thể cho HV tự đặt tính, GV chỉ hướng dẫn cách tính.

- Mời một vài HV nêu lại cách tính (như trong TLH).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính (củng cố lý thuyết tính theo cột dọc)

☞ • Có thể mời một HV lên bảng làm bài trên bảng, các HV khác làm vào vở ghi.

- Quan sát và giúp HV yếu, kém.
- Nhận xét và sửa chữa chỗ sai của HV làm bài trên bảng (có thể mời HV nhận xét và sửa chữa chỗ sai của bạn). Có thể yêu cầu HV nêu lại cách tính.
- Yêu cầu HV đối chiếu với bài trên bảng để sửa chữa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của mình.

Bài 2. Đặt tính rồi tính (rèn cách đặt đúng phép tính theo cột dọc và thực hành tính)

☞ • Hướng dẫn HV đặt phép tính theo hướng dẫn phần lý thuyết trước, sau đó mời một HV lên bảng làm, các HV khác tự làm vào vở ghi.

- Quan sát và HV viên yếu, kém.
- Nhận xét và sửa chữa chỗ sai của HV làm bài trên bảng (có thể mời HV nhận xét và sửa chữa chỗ sai của bạn). Có thể yêu cầu HV nêu lại cách tính.
- Yêu cầu HV đối chiếu với bài trên bảng để sửa chữa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của mình.

Bài 3. Tính (theo mẫu) :

Mẫu :

$\begin{array}{r} 34 \\ - 9 \\ \hline 25 \end{array}$	• 4 không trừ được 9, lấy 14 trừ 9 bằng 5, viết 5, nhớ 1. • 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.
---	--

Vậy $34 - 9 = 25$

(Đặt tính hướng nếu trừ một số có hai chữ số với một số có một chữ số. Nhấn mạnh và lưu ý cách đặt phép tính theo cột dọc (số có một chữ số đặt cùng hàng đơn vị của cột dọc))

- ☞ • Sau khi lưu ý GV hướng dẫn mẫu; dành thời gian để HV luyện tập.
- Quan sát và giúp HV yếu, kém.
- Nhận xét và sửa chữa chỗ sai của HV làm bài trên bảng (có thể mời HV nhận xét và sửa chữa chỗ sai của bạn). Có thể yêu cầu HV nêu lại cách tính.
- Yêu cầu HV đối chiếu với bài trên bảng để sửa chữa chỗ sai và hoàn chỉnh bài làm của mình.

Bài 4. Tìm lỗi sai trong các phép tính sau rồi sửa lại cho đúng (lưu ý các vấn đề thường sai đối với HV)

- ☞ • Dành thời gian cho HV thảo luận theo nhóm nhỏ.
- Các nhóm tự quan sát cách đặt phép tính, kết quả phép tính; thảo luận, bình luận và giải thích lỗi sai.
- GV tổng hợp ý kiến thảo luận của các nhóm và đưa ra những lưu ý, tổng kết.

Bài 5. Tính (rèn kỹ năng đặt tính và tính theo cột dọc)

- ☞ • Gọi một HV nêu cách giải; nếu HV khó khăn, GV gợi ý cách làm bài.
- Dành thời gian để HV tự làm, tính các phép tính.

4. Vận dụng

Bài 6, 7 (tiếp tục củng cố bài toán có lời văn)

- ☞ • GV dành thời gian để HV suy nghĩ, tìm hiểu nội dung bài toán. Dành thời gian để HV tự làm, trong trường hợp HV khó khăn, GV gợi ý đặt phép tính.
- Có thể mời HV tóm tắt bài toán và giải toán trên bảng; HV khác làm trực tiếp vào vở ghi.

- GV nhận xét, chữa bài.

✎ Trả lời Bài 6: Anh Sáu còn lại ...12... quả sầu riêng.

✎ Trả lời Bài 7: Vườn nhà Sam có ...19... quả bí đỏ.

Bài 29

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Củng cố thực hiện phép cộng, phép trừ có nhớ các số trong phạm vi 100.
- Củng cố viết phép tính cộng, trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính cộng, trừ thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Bảng phụ, Phiếu học tập.
- Các bài toán thực tiễn phù hợp với các phép toán đã học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Đến bài này mới giới thiệu các trường hợp: phép cộng có kết quả là 100; 100 trừ đi một số. Lưu ý HV cách thực hiện cũng như cách trình bày đối với các phép tính nêu trên (như trong TLH).

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

(Hãy lấy ví dụ về phép cộng, phép trừ có nhớ các số trong phạm vi 100 rồi thực hiện tìm kết quả các phép tính đó.)

- ☞ • Dành ít thời gian suy nghĩ, sau đó GV gọi ba HV lên bảng trình bày.
- HV còn lại tự lấy ví dụ và thực hiện phép tính.
- GV hỗ trợ HV yếu, kém làm bài.

2. Luyện tập

Bài 1, 2. Đặt tính rồi tính (củng cố khắc sâu việc đặt phép tính và tính)

- ☞ • Dành thời gian để HV luyện tập trong TLH.
- Giao nhiệm vụ cho HV giỏi hỗ trợ các bạn HV yếu bên cạnh.
- Mời 03 HV làm trực tiếp trên bảng và hướng dẫn (nếu HV khó khăn làm bài).

Bài 3. Tính (theo mẫu) (phát triển phép tính cộng cho kết quả 100)

Mẫu :

$\begin{array}{r} 72 \\ + 28 \\ \hline 100 \end{array}$	• 2 cộng 8 bằng 10, viết 0, nhớ 1. • 7 cộng 2 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 10.
---	---

Vậy $72 + 28 = 100$

- ☞ • GV hướng dẫn từng bước cách cộng theo mẫu.
- Giao nhiệm vụ cho HV giỏi hỗ trợ các bạn HV yếu bên cạnh.
- Mời 03 HV làm trực tiếp trên bảng và hướng dẫn (nếu HV khó khăn làm bài).

Bài 4. a) Đặt tính rồi tính:

- ☞ • Lưu ý để HV đặt phép tính cho đúng
- Mời một HV lên bảng đặt phép tính (hỏi HV cần lưu ý gì khi em đặt phép tính)
- HV tự làm luôn phép tính sau khi đặt.

b) Tính nhẩm:

- ☞ • Để HV quan sát các số hạng của phép tính (số tròn chục)

- Thực hiện tính nhẩm
- Hướng dẫn chung những số tròn chục để tính nhẩm nhanh.

Bài 5. a) Tính (theo mẫu) (củng cố cộng có nhớ cho kết quả 100)

Mẫu :

$\begin{array}{r} 93 \\ + 7 \\ \hline 100 \end{array}$	• 3 cộng 7 bằng 10, viết 0, nhớ 1. • 9, thêm 1 bằng 10, viết 10.
--	---

Vậy $93 + 7 = 100$

☞ • Lưu ý HV đặt phép tính cho đúng, hướng dẫn theo mẫu.

- GV mời HV làm trên bảng (tương tự theo hướng dẫn)
- HV còn lại thực hành, làm trực tiếp vào vở ghi.
- GV quan sát hỗ trợ khi HV khó khăn.

b) Tính nhẩm:

☞ • Hướng dẫn HV đối với phép tính đầu tiên $99 + 1 = 100$.

• GV có thể viết lại các câu của bài toán theo một cột để HV phát hiện quy luật dễ hơn.

- HV thực hành, làm bài trong vở ghi.

Bài 6. Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$\begin{array}{r} 100 \\ - 27 \\ \hline 073 \end{array}$	• 0 không trừ được 7, lấy 10 trừ 7 bằng 3, viết 3, nhớ 1. • 2 thêm 1 bằng 3, 0 không trừ được 3, lấy 10 trừ 3 bằng 7, viết 7, nhớ 1. • 1 trừ 1 bằng 0.
--	--

Vậy $100 - 27 = 73$

(Lưu ý HV đặt phép tính cho đúng)

- ☞ • GV hướng dẫn chi tiết cách đặt phép tính, cách thực hiện phép tính.
- HV thực hành các bài tập còn lại.
- Hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 7. a) Đặt tính rồi tính :

(Lưu ý HV đặt phép tính cho đúng)

☞ • Mời một HV lên bảng đặt phép tính (hỏi HV cần lưu ý gì khi em đặt phép tính)

- GV mời các HV còn lại thực hành trên bảng và trong vở ghi.

b) Tính nhẩm:

- ☞ • Để HV quan sát các số hạng của phép tính (số tròn chục)
- Thực hiện tính nhẩm
- Hướng dẫn chung những số tròn chục để tính nhẩm nhanh.

Bài 8. Tính (theo mẫu):

Mẫu:
$$\begin{array}{r} 100 \\ - \quad 5 \\ \hline 095 \end{array}$$

Vậy $100 - 5 = 95$

- 0 không trừ được 5, lấy 10 trừ 5 bằng 5, viết 5, nhớ 1.
- 0 không trừ được 1, lấy 10 trừ 1 bằng 9, viết 9, nhớ 1.
- 1 trừ 1 bằng 0.

☞ • Lưu ý HV đặt phép tính cho đúng

• Mời một HV lên bảng đặt phép tính (hỏi HV cần lưu ý gì khi em đặt phép tính)

- GV mời HV làm trực tiếp trên bảng, kịp thời sửa sai khi cần thiết.
- GV quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 9. Tính nhẩm:

☞ • Hướng dẫn HV tính nhẩm, trong trường hợp nhiều HV khó khăn trong tính nhẩm, GV có thể trình bày thêm một số phép toán bổ sung theo quy luật, bắt đầu từ $100 - 1$, $100 - 2$, $100 - 3 \dots$

- HV tự làm trong vở ghi.
- Hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 10. Tìm lỗi sai trong các phép tính sau rồi sửa lại cho đúng

- ☞ • Tổ chức cho HV thảo luận nhóm.
- Các nhóm trình bày sản phẩm, trong đó nhận xét từng câu đúng sai.
 - Các nhóm nhận xét chéo nhau.
 - GV tổng kết từng phép toán, phân tích kỹ các lỗi sai thường gặp.

3. Vận dụng

Bài 11, 12.

- ☞ • HV nghiên cứu bài toán có lời văn.
- Gọi HV lựa chọn phép tính và điền vào ô trống.
- ✍ Trả lời Bài 11: Chị Hân đã mua tất cả100...con gà và vịt
- Trả lời Bài 12 : Thanh gỗ còn lại dài65....cm

Bài 13. Nêu các tình huống trong thực tiễn cuộc sống có sử dụng phép cộng, phép trừ đã học

- ☞ • Tổ chức cho HV thảo luận nhóm.
- Gọi một số HV nêu tình huống và căn cứ đặt phép tính (không nhất thiết phải trình bày).

Bài 30

ÔN TẬP CUỐI KỲ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được được các yêu cầu sau:*

- Ôn tập tổng hợp về đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.
- Thực hành vận dụng đọc, viết so sánh các số đã học trong phạm vi 100.
- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 100.
- Nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).
- Nhận biết và viết được phép tính cộng, trừ phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Bảng phụ, Phiếu học tập.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu để tổng kết.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tăng cường thực hành và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc, đời sống sinh hoạt hàng ngày.
2. Nên lấy các ví dụ thực tế phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương và hoàn cảnh công tác của HV.

1. Khởi động

(Hãy đọc các số trong bảng các số từ 1 đến 100 rồi nói về những điều đã biết liên quan đến các số trong bảng).

☞ • GV chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu

• Nếu sử dụng máy chiếu có thể khai thác bảng, cho HV điền khuyết các số; nhận xét hàng, cột của bảng các số từ 1 đến 100.

2. Luyện tập

Bài 1. Trình bày (theo mẫu):

☞ • HV tự tìm hiểu phần mẫu và làm trực tiếp vào vở ghi.

• Hướng dẫn HV yếu, kém.

Bài 2.

☞ • Yêu cầu HV điền khuyết, lưu ý ý ngược lại của dòng đầu tiên khi chưa biết số hàng chục, đơn vị và viết số. Sau đó mới yêu cầu HV trả lời dòng số 2.

b) Viết (theo mẫu):

☞ • Yêu cầu HV viết theo mẫu trong vở ghi.

• Dành thời gian để HV tự luyện tập.

• Hướng dẫn HV yếu, kém

Bài 3. a) Viết dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào ô trống :

☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập, sau đó lần lượt mời hai HV đọc kết quả làm bài tập trên; mỗi người một câu.

• Nhận xét và sửa chỗ sai của các HV, sau đó viết lên bảng kết quả làm bài tập trên

b) Trả lời câu hỏi

☞ • Dành thời gian cho cả lớp làm bài tập, sau đó lần lượt mời các HV trả lời kết quả.

- Số lớn nhất có hai chữ số là số 99.

- Số bé nhất có hai chữ số là số 10.

- Số tròn chục có hai chữ số là: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.

- Số có hai chữ số mà số chục bằng số đơn vị: 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99.

Bài 4, 5. Tính, đặt rồi tính:

☞ • Dành thời gian để HV tự đặt tính và tính

- GV hướng dẫn khi cần thiết nếu HV khó khăn.
- Lưu ý hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 6. Tính nhẩm

- ☞ • Hướng dẫn HV tự tính nhẩm.
- Lưu ý hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 7. Chiếc kéo dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

- ☞ • HV quan sát tranh vẽ và đứng tại chỗ trả lời.
- GV có thể sử dụng thước mét đo trực tiếp một vài vật dụng.

Bài 8. Chọn câu trả lời đúng :

- GV dành thời gian để HV nghiên cứu, trả lời câu hỏi.
- HV làm việc cá nhân.
- GV mời một HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi; mời một số HV khác nhận xét kết quả.
- GV nhận xét, chữa bài và tổng kết.

Bài 9. Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

- ☞ • Dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ.
- Yêu cầu HV đứng tại chỗ trả lời kết quả.
- GV nhận xét, tổng kết.

Bài 10. Đọc mỗi tờ lịch dưới đây rồi trả lời các câu hỏi sau:

- ☞ • Dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ.
- Yêu cầu HV đứng tại chỗ trả lời kết quả.
- GV nhận xét, tổng kết.

✎ Ngày 2 tháng 9 là thứ năm.

✎ Ngày 8 tháng 3 là thứ hai.

✎ Ngày 20 tháng 5 là thứ tư.

✎ Chủ nhật là ngày mùng 10 tháng 10.

Bài 11.a) Đếm số hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong mỗi hình sau:

☞ • Dành thời gian để HV thảo luận nhóm.

• Nhận xét và sửa chỗ sai của các HV, sau đó viết đứng tại chỗ nhận xét chéo kết quả làm bài tập nhóm khác.

• GV nhận xét, tổng kết.

3. Vận dụng

Bài 12, 13.

☞ • Gọi ý để HV đọc và viết tóm tắt bài toán vào giấy nháp.

• Yêu cầu cả lớp dựa vào tóm tắt trên viết bài giải bài toán vào vở học

• Mời một HV lên bảng viết bài giải bài toán 12, 13.

• Nhận xét và sửa chỗ sai trong bài giải bài toán 12, 13 của HV trên.

• Yêu cầu cả lớp đối chiếu với bài giải (đã sửa) trên bảng để sửa chỗ sai và hoàn chỉnh bài giải của họ.

✎ Trả lời Bài 12 : Con ốc sên bò được tất cả ...47... cm.

✎ Trả lời Bài 13 : Toàn được về quê chơi ...10... ngày.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ

TOÁN KỲ 1

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (0 24). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập:

Võ Thị Kim Thanh

Vẽ bìa:

Vũ Thị Bình Minh

Sửa bản in:

Trần Tiến

Trình bày sách:

Phạm Thị Lê

Chế bản:

Phạm Thị Lê

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

In 1140 cuốn, khổ 19 x 26,5 cm tại Nhà máy in Bộ Quốc Phòng, Địa chỉ: Thôn Lưu Phái - xã Ngũ Hiệp - huyện Thanh Trì - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/18-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3218/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 20/11/2023

Mã ISBN: 978-604-40-0240-8

In xong, nộp lưu chiểu quý 4 năm 2023